

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CQUA60602501

Môn thi: **Phương pháp nghiên cứu định lượng
trong lĩnh vực ngân hàng tài chính**

Mã ca thi: **THI195592**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **06/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	202112060	Sivansay	Chanmin a	13/03/1995						Nợ HP
2	202112005	Nguyễn Công	Chánh	25/12/1995						
3	202112006	Dương Huỳnh Ngọc	Châu	26/12/1993						
4	202112012	Trương Thị Hương	Giang	28/08/1982						
5	202112015	Lê Ngọc Anh	Hào	06/03/1989						
6	202112013	Phan Thúy	Hằng	09/03/1991						
7	202112016	Nguyễn Thị	Hậu	26/10/1993						
8	202112017	Nguyễn Thị	Hiền	10/04/1982						
9	202112018	Phạm Phú	Hiển	07/03/1993						
10	202112023	Trang Ngọc	Huyền	05/11/1990						
11	202112027	Vi Mỹ	Linh	01/04/1991						
12	202112030	Nguyễn Thị	Mến	05/06/1990						
13	202112038	Hứa Tuyết	Ngọc	28/04/1989						
14	202112037	Nguyễn Huỳnh Hải	Ngọc	19/11/1996						
15	202112042	Hoàng Ngọc	Thành	02/01/1995						
16	202112048	Nguyễn Hà Mỹ	Thủy	02/04/1985						
17	202112051	Nguyễn Thị Huyền	Trân	31/12/1983						
18	202112056	Nguyễn Hồng	Vân	01/01/1985						
19	202112058	Tôn Nữ Thúy	Vân	17/11/1996						
20	202112059	Nguyễn Thị Thúy	Vi	31/03/1984						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 29
LỚP 21C1QUA60500901

Môn thi: **Tài chính định lượng**

Mã ca thi: **THI195593**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **08/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	192111006	Nguyễn Lan	Anh	23/10/1996						
2	192111001	Hoàng Thị	Ái	20/10/1994						
3	202111008	Võ Thị Ngọc	Ánh	20/02/1997						
4	201111010	Trần Quốc	Cường	15/10/1992						
5	202111017	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	09/11/1984						
6	201111019	Lê Thị Thanh	Hà	26/11/1994						
7	201111020	Thạch Thị Mỹ	Hằng	01/05/1989						
8	202111030	Nguyễn Phan Ngọc	Hiền	11/06/1996						
9	201111029	Nguyễn Thị Thanh	Hương	10/08/1992						
10	201111032	Trịnh Thị Xuân	Khuê	22/03/1990						
11	202111054	Trần Trung	Kiên	07/11/1987						
12	201111038	Phạm Thị Thùy	Linh	13/10/1995						
13	201111043	Nguyễn Hiền	Lương	12/10/1988						
14	192111056	Nguyễn Thị Phương	Mai	21/06/1995						
15	192111060	Phan Trường	Minh	11/05/1992						
16	201111048	Vĩnh Lê Bảo	Minh	14/09/1996						
17	192111062	Nguyễn Thị Phương	Nam	06/11/1997						
18	192111071	Trần Đăng	Nguyên	22/12/1994						
19	201111059	Trần Thanh	Nhàn	24/05/1993						
20	201111058	Nguyễn Phạm Viết	Nhã	12/09/1982						
21	202111076	Võ Hoàng Yến	Nhi	06/05/1998						
22	201111063	Ngô Bích	Nhung	29/01/1995						
23	192111078	Hồ Thị Quỳnh	Như	02/12/1996						
24	202111086	Trần Lâm	Quang	19/04/1996						
25	202111092	Lê Văn	Tân	11/03/1992						
26	192111106	Nguyễn Việt	Thảo	06/11/1996						
27	202111105	Đỗ Thu	Thủy	12/04/1995						
28	202111102	Phạm Thị Minh	Thương	16/12/1996						
29	192111117	La Thị Thủy	Tiên	28/06/1983						
30	201111091	Trần Minh	Tuấn	28/04/1996						
31	192111143	Hoàng Ngọc Thảo	Vân	30/11/1994						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	192111148	Nguyễn Hoàng	Việt	29/05/1994						
33	202111129	Huỳnh Thị Như	Ý	04/05/1995						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CFIN60500802

Môn thi: **Phân tích tài chính**

Mã ca thi: **THI195596**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **11/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	202111014	Đậu Văn	Chung	07/12/1995						
2	202111024	Trương Thị	Hà	17/02/1990						
3	202111033	Diệp Thị	Hiền	10/05/1996						
4	202111034	Lã Thị Thu	Hiền	06/05/1995						
5	202111030	Nguyễn Phan Ngọc	Hiền	11/06/1996						
6	202111036	Bùi Trung	Hiếu	31/07/1997						
7	202111039	Phạm Thị	Hoài	24/06/1996						
8	202111041	Nguyễn Huy	Hoàng	20/01/1992						
9	202111040	Nguyễn Phú	Hoàng	25/11/1993						
10	202111049	Đinh Thị Thanh	Huyền	21/12/1996						
11	202111050	Đỗ Huy	Khải	27/10/1997						
12	202111053	Phan Huy	Khôi	03/10/1996						
13	202111055	Trần Hoàng	Kỳ	10/03/1997						
14	202111065	Nguyễn Thị Tuyết	Ly	11/04/1991						
15	202111070	Huỳnh Châu	Nghi	19/11/1981						
16	201111054	Lưu	Ngọc	10/07/1979						
17	202111075	Lê Minh	Nhật	26/12/1996						
18	202111076	Võ Hoàng Yến	Nhi	06/05/1998						
19	202111082	Trịnh Thị	Oanh	08/06/1995						
20	202111086	Trần Lâm	Quang	19/04/1996						
21	202111085	Lu Tuấn	Quân	08/01/1992						
22	202111088	Nguyễn Thanh Trúc	Quỳnh	12/07/1997						
23	202111097	Nguyễn Trần Phương	Thảo	05/03/1997						
24	202111105	Đỗ Thu	Thủy	12/04/1995						
25	202111100	Nguyễn Thị Anh	Thư	21/01/1992						
26	202111123	Phan Hà Phương	Vân	26/10/1994						
27	202111127	Dư Quốc	Vinh	10/06/1991						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CQUA60602502

Môn thi: **Phương pháp nghiên cứu định lượng
trong lĩnh vực ngân hàng tài chính**

Mã ca thi: **THI195597**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **11/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	202112001	Nguyễn Ngọc Hồng	Anh	16/10/1997						
2	202112002	Hồ Thái	Bảo	10/11/1997						
3	202112003	Hồ Trần Quốc	Bảo	07/03/1997						
4	202112004	Phạm Thanh	Bình	03/05/1995						
5	202112007	Nguyễn Thị Tuyết	Chi	02/04/1994						
6	202112009	Lê Huỳnh	Duy	20/07/1995						
7	202112010	Lưu Văn	Duy	16/08/1992						
8	202112014	Dương Nguyễn Hồng	Hạnh	18/06/1978						
9	202112022	Võ Duy Nhật	Huy	26/03/1998						
10	202112021	Lê Thị Xuân	Hương	30/09/1995						
11	202112025	Nguyễn Hoàng Mỹ	Kim	10/04/1994						
12	202112026	Trần Thái	Lâm	23/09/1989						
13	202112028	Huỳnh Thị Thu	Loan	15/03/1990						
14	202112029	Bùi Thị Trúc	Ly	20/04/1997						
15	202112035	Nguyễn Thu	Nga	06/08/1996						
16	202112034	Phạm Thị Thanh	Nga	08/05/1996						
17	202112039	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	10/03/1995						
18	202112041	Phạm Trúc	Phương	13/05/1990						
19	202112040	Mai Ngọc	Phước	23/01/1998						
20	202112044	Nguyễn Thị Minh	Thảo	20/01/1991						
21	202112045	Trần Nguyễn Phương	Thảo	01/01/1992						
22	202112047	Trần Minh	Thư	07/01/1991						
23	202112046	Vương Minh	Thư	01/06/1998						
24	202112050	Lê Minh	Toàn	19/02/1994						
25	202112054	Nguyễn Phạm Mỹ	Trình	14/08/1989						
26	202112053	Hồ Thiện	Trí	19/02/1995						
27	202112055	Nguyễn Thị Mộng	Tuyền	21/12/1996						
28	202111118	Nguyễn Anh	Tú	21/09/1991						
29	202112057	Bùi Thị Thùy	Vân	18/02/1995						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CFIN60500801

Môn thi: **Phân tích tài chính**

Mã ca thi: **THI195598**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **15/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	202111006	Hoàng Thị Mai	Anh	18/10/1996						
2	202111005	Trần Nguyễn Lan	Anh	30/07/1997						
3	202111010	Nguyễn Thị Thanh	Cầm	06/06/1995						
4	202111011	Phan Công	Chánh	01/01/1982						
5	202111015	Nguyễn Quốc	Cường	09/09/1993						
6	202111018	Bùi Huỳnh Mỹ	Dung	10/08/1985						
7	202111023	Thiệu Ánh	Duyên	04/09/1997						
8	202111020	Trần Hải	Dương	07/02/1997						
9	202111016	Nguyễn Thái	Đăng	05/03/1992						
10	202111028	Phạm Lê	Hào	09/01/1998						
11	202111029	Đặng Thị Thảo	Hiền	06/11/1995						
12	202111032	Phạm Thị Thúy	Hiền	17/10/1997						
13	202111038	Hoàng Thị	Hoa	03/10/1997						
14	202111037	Vũ Thị Ngọc	Hoa	08/11/1998						
15	202111048	Lý Chí	Huy	26/10/1994						
16	202111043	Lê Nhật	Hùng	09/02/1989						
17	202111045	Đoàn Thị Tuyết	Hương	15/01/1994						
18	202111047	Nguyễn Thị Diễm	Hương	14/07/1990						
19	202111052	Nguyễn Ngọc Đăng	Khoa	13/07/1996						
20	202111054	Trần Trung	Kiên	07/11/1987						
21	202111057	Trần Thị Hương	Lan	15/12/1994						
22	202111059	Phạm Thị Hương	Liên	22/12/1995						
23	201111038	Phạm Thị Thùy	Linh	13/10/1995						
24	202111061	Trần Hồng	Linh	19/01/1988						
25	202111063	Đỗ Thị Thúy	Loan	13/03/1982						
26	202111068	Liêu Kim	Ngân	01/10/1985						
27	202111069	Phan Nguyễn Phúc	Ngân	06/06/1998						
28	202111073	Nguyễn Dương Phương	Nguyên	07/05/1997						
29	202111074	Phí Thị Thanh	Nhàn	01/04/1994						
30	201111058	Nguyễn Phạm Viết	Nhã	12/09/1982						
31	202111077	Đinh	Nho	29/11/1997						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	202111080	Lê Thị Hồng	Nhung	18/02/1988						
33	202111079	Phạm Thị Ngọc	Như	23/07/1993						
34	202111083	Vũ Đức	Phong	05/09/1984						
35	202111091	Nguyễn Thanh	Tâm	18/06/1997						
36	202111096	Nguyễn Minh	Thao	05/08/1990						
37	192111102	Nguyễn Khoa Diệu	Thái	01/01/1993						
38	202111093	Hồ Minh	Thắng	05/06/1997						
39	202111101	Đoàn Thị	Thuần	01/02/1990						
40	202111103	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	29/08/1994						
41	202111099	Nguyễn Hoàng Thiên	Thư	20/04/1996						
42	202111108	Nguyễn Thanh	Toàn	02/07/1990						
43	202111110	Trần Nguyễn Minh	Trâm	09/07/1997						
44	202111111	Huỳnh Ngọc	Trân	06/06/1991						
45	202111115	Đỗ Thị	Trình	06/05/1991						
46	202111116	Nguyễn Mỹ	Trình	21/10/1997						
47	202111119	Trương Cao Minh	Tuấn	02/03/1985						
48	201111092	Trương Văn	Tuấn	27/05/1997						
49	202111125	Nguyễn Hoàng Ái	Vi	29/03/1997						
50	202111126	Nguyễn Hồng Quốc	Việt	16/10/1995						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CCOR60500701

Môn thi: **Định giá doanh nghiệp**

Mã ca thi: **THI195599**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **15/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	202111006	Hoàng Thị Mai	Anh	18/10/1996						
2	202111005	Trần Nguyễn Lan	Anh	30/07/1997						
3	192111001	Hoàng Thị	Ái	20/10/1994						
4	202111010	Nguyễn Thị Thanh	Cầm	06/06/1995						
5	202111011	Phan Công	Chánh	01/01/1982						
6	202111012	Trịnh Thị Giáng	Châu	28/10/1975						
7	202111015	Nguyễn Quốc	Cường	09/09/1993						
8	202111021	Bùi Thanh	Duy	06/06/1997						
9	202111023	Thiệu Ánh	Duyên	04/09/1997						
10	202111016	Nguyễn Thái	Đăng	05/03/1992						
11	202111024	Trương Thị	Hà	17/02/1990						
12	202111028	Phạm Lê	Hào	09/01/1998						
13	202111029	Đặng Thị Thảo	Hiền	06/11/1995						
14	202111034	Lã Thị Thu	Hiền	06/05/1995						
15	202111036	Bùi Trung	Hiếu	31/07/1997						
16	202111038	Hoàng Thị	Hoa	03/10/1997						
17	202111037	Vũ Thị Ngọc	Hoa	08/11/1998						
18	202111048	Lý Chí	Huy	26/10/1994						
19	202111043	Lê Nhật	Hùng	09/02/1989						
20	202111045	Đoàn Thị Tuyết	Hương	15/01/1994						
21	202111052	Nguyễn Ngọc Đăng	Khoa	13/07/1996						
22	202111054	Trần Trung	Kiên	07/11/1987						
23	202111057	Trần Thị Hương	Lan	15/12/1994						
24	202111059	Phạm Thị Hương	Liên	22/12/1995						
25	202111061	Trần Hồng	Linh	19/01/1988						
26	202111063	Đỗ Thị Thúy	Loan	13/03/1982						
27	202111068	Liêu Kim	Ngân	01/10/1985						
28	202111069	Phan Nguyễn Phúc	Ngân	06/06/1998						
29	202111070	Huỳnh Châu	Nghi	19/11/1981						
30	202111073	Nguyễn Dương Phương	Nguyên	07/05/1997						
31	202111074	Phí Thị Thanh	Nhàn	01/04/1994						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	202111079	Phạm Thị Ngọc	Như	23/07/1993						
33	202111082	Trịnh Thị	Oanh	08/06/1995						
34	202111083	Vũ Đức	Phong	05/09/1984						
35	202111096	Nguyễn Minh	Thao	05/08/1990						
36	202111097	Nguyễn Trần Phương	Thảo	05/03/1997						
37	202111093	Hồ Minh	Thắng	05/06/1997						
38	202111101	Đoàn Thị	Thuần	01/02/1990						
39	202111103	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	29/08/1994						
40	202111099	Nguyễn Hoàng Thiên	Thư	20/04/1996						
41	202111102	Phạm Thị Minh	Thương	16/12/1996						
42	202111108	Nguyễn Thanh	Toàn	02/07/1990						
43	202111110	Trần Nguyễn Minh	Trâm	09/07/1997						
44	202111111	Huỳnh Ngọc	Trân	06/06/1991						
45	202111115	Đỗ Thị	Trình	06/05/1991						
46	202111116	Nguyễn Mỹ	Trình	21/10/1997						
47	201111091	Trần Minh	Tuấn	28/04/1996						
48	202111119	Trương Cao Minh	Tuấn	02/03/1985						
49	202111125	Nguyễn Hoàng Ái	Vi	29/03/1997						
50	202111126	Nguyễn Hồng Quốc	Việt	16/10/1995						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CCOR60500703

Môn thi: **Định giá doanh nghiệp**

Mã ca thi: **THI195600**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **15/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	202111004	Phạm Nguyễn Trang	Anh	03/05/1998						
2	202111009	Lê Ngọc	Ánh	12/09/1990						
3	202111008	Võ Thị Ngọc	Ánh	20/02/1997						
4	202111014	Đậu Văn	Chung	07/12/1995						
5	202111017	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	09/11/1984						
6	202111018	Bùi Huỳnh Mỹ	Dung	10/08/1985						
7	202111022	Phạm Mĩ	Duyên	20/10/1994						
8	202111019	Trịnh Đình Hồng	Dương	23/05/1998						
9	202111033	Diệp Thị	Hiền	10/05/1996						
10	202111030	Nguyễn Phan Ngọc	Hiền	11/06/1996						
11	202111130	Nguyễn Minh	Hoàng	08/12/1997						
12	202111040	Nguyễn Phú	Hoàng	25/11/1993						
13	201111024	Trần Thanh	Hoàng	03/09/1997						
14	202111044	Đinh Việt	Hùng	02/05/1997						
15	202111051	Uông Tùng	Khánh	15/11/1993						
16	202111058	Thái Thị Lý	Lành	30/07/1994						
17	202111060	Nguyễn Mai Kim	Liên	18/05/1996						
18	201111038	Phạm Thị Thùy	Linh	13/10/1995						
19	202111062	Nguyễn Thị Kim	Loan	20/08/1985						
20	201111043	Nguyễn Hiền	Lương	12/10/1988						
21	202111065	Nguyễn Thị Tuyết	Ly	11/04/1991						
22	202111064	Phan Khánh	Ly	10/02/1993						
23	202111072	Phan Trọng	Nghĩa	25/12/1998						
24	202111071	Lê Thị Thanh	Nghị	27/04/1995						
25	202111081	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	19/04/1997						
26	202111084	Ngô Châu	Phú	10/06/1988						
27	202111088	Nguyễn Thanh Trúc	Quỳnh	12/07/1997						
28	202111092	Lê Văn	Tấn	11/03/1992						
29	202111095	Trần Ngọc	Thành	27/04/1992						
30	202111107	Nguyễn Thùy	Tiên	22/05/1997						
31	202111122	Phan Thanh	Tuyền	10/12/1996						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	202111129	Huỳnh Thị Như	Ý	04/05/1995						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CFIN60500803

Môn thi: **Phân tích tài chính**

Mã ca thi: **THI195601**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **15/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	202111004	Phạm Nguyễn Trang	Anh	03/05/1998						
2	202111009	Lê Ngọc	Ánh	12/09/1990						
3	202111008	Võ Thị Ngọc	Ánh	20/02/1997						
4	201111007	Vũ Thanh	Bình	30/03/1993						
5	202111012	Trịnh Thị Giáng	Châu	28/10/1975						
6	202111017	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	09/11/1984						
7	202111021	Bùi Thanh	Duy	06/06/1997						
8	202111022	Phạm Mĩ	Duyên	20/10/1994						
9	202111019	Trịnh Đình Hồng	Dương	23/05/1998						
10	201111020	Thạch Thị Mỹ	Hằng	01/05/1989						
11	202111130	Nguyễn Minh	Hoàng	08/12/1997						
12	202111044	Đinh Việt	Hùng	02/05/1997						
13	202111051	Uông Tùng	Khánh	15/11/1993						
14	202111058	Thái Thị Lý	Lành	30/07/1994						
15	202111060	Nguyễn Mai Kim	Liên	18/05/1996						
16	202111062	Nguyễn Thị Kim	Loan	20/08/1985						
17	201111043	Nguyễn Hiền	Lương	12/10/1988						
18	202111064	Phan Khánh	Ly	10/02/1993						
19	202111072	Phan Trọng	Nghĩa	25/12/1998						
20	202111071	Lê Thị Thanh	Nghị	27/04/1995						
21	192111070	Nguyễn Trọng	Nguyên	09/02/1980						
22	202111081	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	19/04/1997						
23	202111084	Ngô Châu	Phú	10/06/1988						
24	202111092	Lê Văn	Tấn	11/03/1992						
25	202111095	Trần Ngọc	Thành	27/04/1992						
26	202111102	Phạm Thị Minh	Thương	16/12/1996						
27	202111106	Lê Thị Quang	Thy	17/11/1997						
28	202111107	Nguyễn Thùy	Tiên	22/05/1997						
29	202111109	Nguyễn Minh	Tôn	21/10/1997						
30	202111122	Phan Thanh	Tuyền	10/12/1996						
31	202111124	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	25/12/1988						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	202111129	Huỳnh Thị Như	Ý	04/05/1995						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CCOR60500702

Môn thi: **Định giá doanh nghiệp**

Mã ca thi: **THI195602**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **15/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	201111009	Phạm Danh	Cung	12/04/1997						
2	202111020	Trần Hải	Dương	07/02/1997						
3	202111032	Phạm Thị Thúy	Hiền	17/10/1997						
4	192111036	Ngô Văn	Hiếu	20/10/1994						
5	202111039	Phạm Thị	Hoài	24/06/1996						
6	202111041	Nguyễn Huy	Hoàng	20/01/1992						
7	202111049	Đinh Thị Thanh	Huyền	21/12/1996						
8	202111046	Nguyễn Thị Lan	Hương	03/08/1997						
9	202111050	Đỗ Huy	Khải	27/10/1997						
10	202111053	Phan Huy	Khôi	03/10/1996						
11	202111055	Trần Hoàng	Kỳ	10/03/1997						
12	201111035	Mai Xuân	Lịch	17/09/1992						
13	201111054	Lưu	Ngọc	10/07/1979						
14	202111075	Lê Minh	Nhật	26/12/1996						
15	202111076	Võ Hoàng Yến	Nhi	06/05/1998						
16	202111077	Đinh	Nho	29/11/1997						
17	202111080	Lê Thị Hồng	Nhung	18/02/1988						
18	202111086	Trần Lâm	Quang	19/04/1996						
19	202111085	Lu Tuấn	Quân	08/01/1992						
20	202111087	Phạm Thanh	Quý	29/09/1995						
21	202111091	Nguyễn Thanh	Tâm	18/06/1997						
22	202111105	Đỗ Thu	Thủy	12/04/1995						
23	202111100	Nguyễn Thị Anh	Thư	21/01/1992						
24	202111106	Lê Thị Quang	Thy	17/11/1997						
25	202111109	Nguyễn Minh	Tôn	21/10/1997						
26	201111092	Trương Văn	Tuân	27/05/1997						
27	202111124	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	25/12/1988						
28	202111123	Phan Hà Phương	Vân	26/10/1994						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CMAR60200201

Môn thi: **Quản trị marketing**

Mã ca thi: **THI195604**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **20/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	202107009	Nguyễn Kim	Bản	27/08/1997						
2	202107010	Hồ Quốc	Bảo	11/08/1993						
3	202107008	Tôn Thất	Bách	18/03/1995						
4	202107011	Đinh Trọng Xuân	Bình	07/08/1983						
5	202107017	Hạ Bá	Công	21/04/1994						
6	202107025	Huỳnh Công	Danh	13/11/1994						
7	202107028	Trần Thị Lan	Di	06/06/1989						
8	202107039	Đặng Hoàng	Duy	03/09/1995						
9	202107027	Nguyễn Thành	Đạt	24/12/1998						
10	202107042	Vũ Thanh	Giang	06/08/1997						
11	202107049	Mạch Nguyễn Hồng	Hà	13/04/1993						
12	202107058	Nguyễn Thị Mỹ	Hiền	17/06/1997						
13	NCS2020031	Trần Quỳnh	Hoa	01/02/1975						
14	202107066	Tôn Doanh	Hoan	06/12/1992						
15	202107082	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	05/10/1997						
16	202107074	Đỗ Lê	Hung	06/03/1995						
17	202107077	Hoàng Thị Lan	Hương	30/04/1986						
18	202107090	Phạm Thu	Lại	09/05/1997						
19	202107091	Lê Hoàng	Lâm	29/07/1992						
20	202107101	Đinh Thị Minh	Luyến	27/08/1980						
21	202107107	Nguyễn Thành	Minh	08/04/1990						
22	202107109	Trương Thị My	My	30/05/1995						
23	202107115	Huỳnh Thị Kim	Ngân	01/01/1989						
24	202107125	Nguyễn Dư Bảo	Nhi	24/09/1995						
25	202107124	Nguyễn Dư Tuyết	Nhi	24/09/1995						
26	202107132	Nguyễn Ngọc	Phúc	30/03/1992						
27	202107133	Phạm Phú Anh	Phúc	09/03/1998						
28	202107137	Bùi Thị Minh	Phương	13/10/1989						
29	202107135	Ngô Bình	Phước	09/06/1997						
30	202107138	Đặng Thị Minh	Phượng	20/01/1977						
31	202107143	Phạm Thị Xuân	Quỳnh	23/01/1990						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	202107157	Phạm Thị	Thành	25/05/1995						
33	202107164	Ngô Thanh	Thảo	25/10/1991						
34	202107153	Nguyễn Thị	Thắm	20/07/1993						
35	202107169	Nguyễn Thị Diệu	Thu	02/09/1995						
36	202107170	Bùi Hiếu Minh	Thư	14/08/1989						
37	202107189	Hồ Nguyễn Bảo	Trân	13/06/1995						
38	202107202	Cao Anh	Tuấn	14/10/1997						
39	202107203	Lê Nhật	Tuấn	03/11/1987						
40	202107205	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	15/07/1996						
41	202107207	Nguyễn Thị Kim	Tuyết	16/06/1981						
42	202107197	Đinh Khải	Tú	03/06/1994						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CMAR60200202

Môn thi: **Quản trị marketing**

Mã ca thi: **THI195605**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **22/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	202107002	Châu Thúy	An	19/03/1988						
2	202107032	Đỗ Thị Thùy	Dung	01/09/1995						
3	202107037	Phạm Trần Anh	Duy	16/04/1995						
4	202107040	Trương Thị Ngọc	Duyên	27/08/1991						
5	202107022	Châu Đình	Đại	20/11/1990						
6	202107023	Đinh Hải	Đăng	01/08/1981						
7	202107031	Phạm Đình Thiên	Đức	20/02/1995						
8	202107052	Đinh Mai	Hằng	17/12/1996						
9	202107062	Trương Lê Minh	Hiếu	01/11/1990						
10	202107065	Nguyễn Trọng	Hòa	09/02/1991						
11	202107080	Nguyễn Thành	Huy	28/03/1988						
12	202107084	Đỗ Ngọc Yến	Khanh	07/09/1986						
13	202107085	Lương Đặng Nam	Khánh	24/07/1997						
14	202107088	Mai Trung	Kiên	07/02/1982						
15	202107092	Đỗ Chung	Lập	03/02/1994						
16	202107097	Nguyễn Tiến	Lộc	15/09/1989						
17	202107121	Ngô Thanh	Nhàn	05/11/1988						
18	202107136	Trần Thị Trúc	Phương	02/05/1985						
19	192107226	Kong	Sokun	03/12/1991						Nợ HP
20	202107150	Nguyễn Mạnh	Tân	15/08/1994						
21	202107187	Hà Thị Huyền	Trâm	07/09/1998						
22	202107194	Nguyễn Thị Ngọc	Trúc	11/03/1995						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CMAR60200206

Môn thi: **Quản trị marketing**

Mã ca thi: **THI195607**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **25/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	202107001	Trần Thị Dương	An	22/04/1984						
2	202107005	Vũ Mai	Anh	22/03/1991						
3	202107012	Nguyễn Thị Cẩm	Châu	26/09/1998						
4	202107014	Chung Thoại	Chương	09/11/1996						
5	202107016	Lâm Thành	Cơ	22/03/1993						
6	202107018	Nguyễn Thị Hồng	Cúc	24/06/1990						
7	202107030	Hoàng Thị Ngọc	Diệp	08/08/1985						
8	202107041	Trần Thị Bích	Duyên	18/12/1997						
9	202107036	Nguyễn Hoàng	Dũng	28/03/1990						
10	202107035	Nguyễn Văn	Dũng	07/03/1991						
11	202107048	Hoàng	Hà	28/09/1995						
12	202107050	Ngô Doãn	Hải	07/10/1994						
13	202107053	Võ Nguyệt Phương	Hằng	18/02/1993						
14	202107060	Đinh Văn Trung	Hiếu	21/12/1995						
15	202107067	Kiều Ngọc	Hoàng	12/07/1978						
16	202107064	Phan Thái	Hòa	01/10/1991						
17	202107075	Chu Quốc	Hung	27/07/1996						
18	202107093	Nguyễn Thị	Liên	02/10/1985						
19	202107105	Trần Minh	Mẫn	28/10/1987						
20	202107106	Vũ Thị Ngọc	Mến	09/12/1992						
21	202107113	Trần Thị Thúy	Nga	26/03/1997						
22	202107122	Lương Tài	Nhân	22/03/1989						
23	202107126	Trần Thị Phương	Nhi	06/10/1995						
24	202107131	Phạm Nguyễn Kiều	Oanh	23/10/1997						
25	202107144	Trần Thị Trúc	Quỳnh	11/09/1997						
26	202107147	Đỗ Bảo	Son	18/02/1994						
27	202107160	Phạm Nguyễn Trang	Thảo	26/11/1995						
28	202107161	Trương Thị Như	Thảo	03/03/1985						
29	202107151	Trình Ngọc	Thạch	08/12/1991						
30	202107175	Nguyễn Võ Ngọc	Thủy	17/10/1994						
31	202107176	Nguyễn Ngọc Ánh	Thy	25/05/1992						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	202107177	Đỗ Khánh	Tiên	18/10/1992						
33	202107180	Trần Đình	Tiến	15/04/1997						
34	202107179	Hồ Dũng	Tiến	01/01/1997						
35	202107181	Lê Hoàng	Tin	02/08/1997						
36	202107182	Nguyễn Huỳnh Phước	Tín	02/11/1993						
37	202107201	Trịnh Khúc Hoàng	Tuấn	03/08/1997						
38	202107211	Trịnh Thụy	Vũ	02/11/1987						
39	202107213	Nguyễn Bá	Vương	03/03/1994						
40	202107218	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	02/01/1998						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CLAW52201

Môn thi: **Luật so sánh (II)**

Mã ca thi: **THI195608**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **26/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	202120002	Phạm Phú	Anh	12/10/1992						
2	202120001	Phan Đăng Hoài	Ân	05/11/1982						
3	202120003	Hoàng Kim Minh	Châu	20/05/1984						
4	202120004	Phan Vũ Quốc	Cường	04/09/1988						
5	202120005	Lý Tuấn	Diệu	06/06/1980						
6	202120009	Lỗ Thị	Dung	10/02/1993						
7	202120011	Hoa Vinh Tuấn	Duy	12/10/1990						
8	202120010	Lê Quốc	Duy	03/03/1980						
9	202120008	Huỳnh Minh	Đức	15/10/1973						
10	202120007	Phan Thanh Huy	Đức	18/07/1983						
11	202120013	Huỳnh Minh	Giới	10/06/1980						
12	202120012	Trần Văn	Giới	12/03/1991						
13	202120015	Dương Hồng	Hải	02/09/1979						
14	202120014	Võ Hoàng	Hải	08/10/1981						
15	202120016	Nguyễn Thúy	Hiền	01/11/1998						
16	202120017	Hoàng Minh	Hòa	06/01/1984						
17	202120018	Nguyễn Thị Kim	Hương	18/08/1997						
18	202120042	Nguyễn Đình	Kha	22/09/1986						
19	202120020	Hoàng Mỹ	Linh	12/08/1993						
20	202120022	Nguyễn Thị Khánh	Ly	02/09/1993						
21	202120023	Trương Trần Nguyễn	Nghĩa	01/01/1990						
22	202120024	Nguyễn Thị Hồng	Như	12/10/1989						
23	202120028	Phan Minh	Thắng	21/04/1979						
24	202120029	Nguyễn Thị Mỹ	Thiện	05/07/1997						
25	202120030	Nguyễn Thị Xuân	Thịnh	18/01/1976						
26	202120031	Nguyễn Thị	Thọ	04/04/1985						
27	202120034	Nguyễn Văn	Tiếp	25/03/1989						
28	202120036	Nguyễn Thị Ái	Trinh	05/12/1983						
29	202120037	Tạ Minh	Trình	10/03/1981						
30	202120035	Quách Minh	Trí	28/02/1990						
31	202120039	Nguyễn Trần	Trung	30/05/1997						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	202120038	Trang Hoàng Thiên	Trúc	16/08/1997						
33	202120041	Mạnh Anh	Tuấn	31/03/1974						
34	202120040	Lê Thắng Anh	Tú	29/05/1997						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CMAN60201701

Môn thi: **Quản trị chất lượng**

Mã ca thi: **THI195610**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **29/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	202107003	Lê Nữ Tùng	Anh	20/10/1982						
2	202107009	Nguyễn Kim	Bản	27/08/1997						
3	202107010	Hồ Quốc	Bảo	11/08/1993						
4	202107008	Tôn Thất	Bách	18/03/1995						
5	202107017	Hạ Bá	Công	21/04/1994						
6	202107028	Trần Thị Lan	Di	06/06/1989						
7	202107033	Nguyễn Thị Phương	Dung	28/05/1997						
8	202107027	Nguyễn Thành	Đạt	24/12/1998						
9	202107042	Vũ Thanh	Giang	06/08/1997						
10	202107047	Phan Phương	Hà	15/08/1986						
11	202107058	Nguyễn Thị Mỹ	Hiền	17/06/1997						
12	202107069	Võ Thạch Tú	Hồng	01/11/1992						
13	202107070	Hồ Đắc	Huân	06/05/1996						
14	202107081	Trương Tuấn	Huy	24/07/1995						
15	202107082	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	05/10/1997						
16	202107071	Trần Vĩ	Hùng	09/05/1992						
17	202107074	Đỗ Lê	Hưng	06/03/1995						
18	202107094	Bùi Thị Bảo	Linh	06/08/1990						
19	202107101	Đinh Thị Minh	Luyến	27/08/1980						
20	202107104	Nguyễn Văn Sáng Minh	Mẫn	08/05/1984						
21	202107110	Quách Nữ Diễm	My	17/01/1992						
22	202107109	Trương Thị My	My	30/05/1995						
23	202107115	Huỳnh Thị Kim	Ngân	01/01/1989						
24	202107117	Lê Hồng	Ngân	26/11/1992						
25	202107118	Nguyễn Trọng	Nghĩa	15/09/1993						
26	202107129	Dương Thị Phương	Nhi	19/01/1996						
27	202107125	Nguyễn Dư Bảo	Nhi	24/09/1995						
28	202107124	Nguyễn Dư Tuyết	Nhi	24/09/1995						
29	202107132	Nguyễn Ngọc	Phúc	30/03/1992						
30	202107135	Ngô Bình	Phước	09/06/1997						
31	202107158	Nguyễn Trọng	Thành	13/02/1993						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	202107157	Phạm Thị	Thành	25/05/1995						
33	202107164	Ngô Thanh	Thảo	25/10/1991						
34	202107162	Nguyễn Thị Thu	Thảo	07/11/1993						
35	202107153	Nguyễn Thị	Thắm	20/07/1993						
36	202107169	Nguyễn Thị Diệu	Thu	02/09/1995						
37	202107190	Phạm Đỗ Thảo	Trang	12/08/1997						
38	202107196	Trần Thành	Trung	27/11/1997						
39	202107202	Cao Anh	Tuấn	14/10/1997						
40	202107203	Lê Nhật	Tuấn	03/11/1987						
41	202107205	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	15/07/1996						
42	202107197	Đinh Khải	Tú	03/06/1994						
43	202107198	Huỳnh Cẩm	Tú	12/06/1986						
44	202107209	Trần Đức Anh	Uyên	23/08/1996						
45	202107216	Dương Hải	Yến	03/05/1993						
46	202107215	Nguyễn Ngọc Như	Ý	23/10/1997						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CMAR60200204

Môn thi: **Quản trị marketing**

Mã ca thi: **THI195611**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **29/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	202107033	Nguyễn Thị Phương	Dung	28/05/1997						
2	202107034	Nguyễn Tuấn	Dũng	06/05/1992						
3	202107069	Võ Thạch Tú	Hồng	01/11/1992						
4	202107070	Hồ Đắc	Huân	06/05/1996						
5	202107071	Trần Vĩ	Hùng	09/05/1992						
6	202107103	Nguyễn Hoàng Tuyết	Mai	14/05/1997						
7	202107104	Nguyễn Văn Sáng Minh	Mẫn	08/05/1984						
8	202107118	Nguyễn Trọng	Nghĩa	15/09/1993						
9	201107087	Hà Quốc	Nguyên	03/01/1996						
10	202107142	Nguyễn Quỳnh	Quyên	23/07/1995						
11	201107103	Trương Phan Minh	Tâm	22/03/1994						
12	202107173	Ngô Nguyễn Mộng	Thùy	17/06/1997						
13	202107190	Phạm Đỗ Thảo	Trang	12/08/1997						
14	202107198	Huỳnh Cẩm	Tú	12/06/1986						
15	202107215	Nguyễn Ngọc Như	Ý	23/10/1997						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CINT60300701

Môn thi: **Marketing quốc tế**

Mã ca thi: **THI195612**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **30/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	202109001	Nguyễn Thị Hào	An	04/12/1983						
2	202109003	Lâm Nguyễn Kim	Châu	19/04/1998						
3	202109005	Nguyễn Ngọc	Diễn	07/07/1996						
4	202109008	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	15/11/1992						
5	202109006	Tô Quốc	Dũng	13/11/1996						
6	202109004	Võ	Đạt	28/06/1997						
7	202109009	Trần Văn	Hải	19/03/1997						
8	202109010	Lê Thị Hồng	Hạnh	11/05/1993						
9	202109012	Nguyễn Thị Hoàng	Hy	26/11/1995						
10	202109013	Nguyễn Đăng	Khoa	19/02/1994						
11	202109015	Lê Thị Thu	Lan	01/06/1995						
12	202109017	Bùi Thị Nhung	Lụa	26/11/1994						
13	202109018	Vũ Thảo Phương	Mai	15/10/1985						
14	202109020	Phan Thị Hoài	Mơ	30/07/1994						
15	202109021	Trần Thị Kim	Nga	23/07/1994						
16	202109024	Phan Thị Huyền	Nghiêu	13/11/1988						
17	202109027	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	07/09/1994						
18	202109025	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	02/06/1994						
19	202109026	Trần Thảo	Ngọc	27/06/1997						
20	192109024	Nguyễn Trung	Nguyên	18/09/1995						
21	202109028	Đàm Ngọc	Phúc	24/02/1991						
22	202109030	Nguyễn Tri	Phượng	05/02/1985						
23	202109033	Diệp Phạm Hoa	Thanh	15/03/1998						
24	202109031	Nguyễn Lê Thảo	Thanh	06/09/1998						
25	202109032	Võ Minh	Thanh	07/03/1997						
26	202109034	Đoàn Thiện Tứ	Thành	29/04/1998						
27	202109036	Nguyễn Thành	Thuận	24/12/1998						
28	202109038	Nguyễn Thị Thu	Thuyết	09/04/1996						
29	202109037	Lê Ngọc Thanh	Thủy	07/02/1989						
30	202109039	Nguyễn Trung Mỹ	Tiên	17/01/1996						
31	202109040	Đỗ Ngọc Bảo	Trâm	03/12/1996						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	202109041	Nguyễn Thành	Trí	02/01/1992						
33	201109032	Trần Đình Minh	Trí	25/11/1982						
34	202109044	Lê Phương	Tùng	20/09/1993						
35	202109042	Nguyễn Ngô Cẩm	Tú	30/11/1992						
36	202109043	Vũ Thị Thanh	Tú	17/10/1995						
37	202109047	Nguyễn Thị	Xoa	25/03/1984						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CGLO60301601

Môn thi: **Marketing toàn cầu**

Mã ca thi: **THI195613**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **30/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	202110001	Hoàng Vũ Thế	Anh	01/01/1988						
2	202110002	Trần Lê Đức	Bảo	18/10/1994						
3	202110003	Nguyễn Vũ Bảo	Châu	01/01/1997						
4	202110004	Trương Lê Phương	Chi	25/03/1996						
5	202110005	Trần Hữu	Công	10/12/1989						
6	202110009	Lê Thúc	Hiệp	12/08/1991						
7	202110010	Vương Đại	Hoàng	05/08/1992						
8	202110011	Hồ Nguyễn Quang	Huy	31/03/1996						
9	202110012	Thái Bình An	Khang	08/02/1997						
10	202110013	Nguyễn Thị Ngọc	Khánh	05/09/1992						
11	202110014	Quan Thị Kim	Khánh	24/01/1976						
12	202110015	Nguyễn Hoàng	Lân	06/08/1998						
13	202110016	Huỳnh Nguyễn Khánh	Linh	25/01/1998						
14	202110017	Lê Thành	Lợi	09/01/1991						
15	202110019	Phạm Thị Quỳnh	Mai	24/04/1996						
16	202110018	Vũ Phương	Mai	31/01/1995						
17	202110020	Huỳnh Thị Kim	Ngân	21/07/1995						
18	202110021	Nguyễn Lê Thảo	Nghi	10/11/1997						
19	202110023	Lê Thị	Nghĩa	19/03/1986						
20	202110022	Tsàn Dũng	Nghĩa	09/07/1996						
21	202110024	Trần Thị Bảo	Ngọc	29/05/1976						
22	202110025	Hoàng Phùng	Nguyên	04/03/1992						
23	202110027	Đặng Thị Thanh	Nhã	21/09/1996						
24	202110028	Hồ Thị Tú	Nhi	10/12/1998						
25	202110030	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Nhung	08/08/1996						
26	202110029	Hồ Thị Quỳnh	Như	03/01/1996						
27	202110031	Khưu Thị Trúc	Oanh	01/06/1989						
28	202110033	Nguyễn Văn	Phước	25/03/1997						
29	202110034	Huỳnh Võ Sĩ	Thơ	09/01/1996						
30	202110035	Chu Thị Hoài	Thu	01/03/1981						
31	202110037	Võ Thiên	Tòng	12/03/1997						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	202110038	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	08/07/1993						
33	202110039	Đặng Quốc	Trịnh	02/02/1986						
34	202110040	Huỳnh Kim Thanh	Tuyền	08/07/1998						
35	202110041	Đoàn Thụy Thảo	Uyên	13/12/1998						
36	202110043	Trần Thị Kim	Yến	17/06/1990						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CMAN60201702

Môn thi: **Quản trị chất lượng**

Mã ca thi: **THI195614**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **30/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	202107002	Châu Thúy	An	19/03/1988						
2	201107002	Hồ Trần Hoàng	Anh	06/06/1991						
3	202107011	Đinh Trọng Xuân	Bình	07/08/1983						
4	201107013	Bùi Vũ Huyền	Châu	13/02/1987						
5	202107040	Trương Thị Ngọc	Duyên	27/08/1991						
6	202107022	Châu Đình	Đại	20/11/1990						
7	202107023	Đinh Hải	Đăng	01/08/1981						
8	202107045	Phan Đức	Hà	25/08/1992						
9	202107065	Nguyễn Trọng	Hòa	09/02/1991						
10	202107080	Nguyễn Thành	Huy	28/03/1988						
11	202107084	Đỗ Ngọc Yến	Khanh	07/09/1986						
12	202107085	Lương Đặng Nam	Khánh	24/07/1997						
13	202107088	Mai Trung	Kiên	07/02/1982						
14	202107097	Nguyễn Tiến	Lộc	15/09/1989						
15	202107103	Nguyễn Hoàng Tuyết	Mai	14/05/1997						
16	202107102	Trần Thị Thanh	Mai	06/02/1998						
17	202107111	Huỳnh Thị Xuân	Mỹ	20/12/1985						
18	202107114	Trương Ngọc Kim	Ngân	05/03/1996						
19	202107121	Ngô Thanh	Nhàn	05/11/1988						
20	202107128	Trần Mai Yến	Nhi	24/12/1989						
21	192107121	Tổng Quang	Nhật	25/01/1983						
22	202107137	Bùi Thị Minh	Phương	13/10/1989						
23	202107136	Trần Thị Trúc	Phương	02/05/1985						
24	202107142	Nguyễn Quỳnh	Quyên	23/07/1995						
25	202107150	Nguyễn Mạnh	Tân	15/08/1994						
26	202107167	Võ Văn	Thời	10/02/1995						
27	202107187	Hà Thị Huyền	Trâm	07/09/1998						
28	202107194	Nguyễn Thị Ngọc	Trúc	11/03/1995						
29	202107200	Nguyễn Hoàng Nhật	Tuấn	23/04/1995						
30	202107210	Lê Hồng	Vân	10/03/1991						
31	202107214	Nguyễn Duy Nhất	Vương	02/06/1990						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CADV60700803

Môn thi: **Kế toán công năng cao**

Mã ca thi: **THI195616**

Thời gian thi:

Giờ thi: **07g00**

Ngày thi: **30/10/2021**

Phòng thi: **VPK.KTO**

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	202114001	Đỗ Thị Thúy	An	07/08/1996						
2	202114002	Mai Bá Trường	An	18/01/1990						
3	202114003	Tô Phạm Quế	Anh	23/04/1997						
4	202114004	Trần Thị Quỳnh	Anh	12/03/1995						
5	202114007	Võ Thị Ngọc	Bích	08/10/1989						
6	202114008	Lê Thị Kim	Chung	05/07/1997						
7	202114009	Hoàng Mạnh	Cường	25/04/1996						
8	202114011	Nguyễn Thị Ngọc	Diệu	18/03/1997						
9	202114020	Nguyễn Nam Mỹ	Duyên	25/10/1994						
10	202114013	Hồ Vũ Khánh	Dur	06/10/1987						
11	202114021	Nguyễn Thị Thu	Hà	11/10/1988						
12	202114023	Nguyễn Thị Thu	Hằng	08/10/1997						
13	202114027	Nguyễn Phúc	Hậu	28/08/1994						
14	202114028	Trần Thị Kim	Hậu	21/10/1988						
15	202114031	Nguyễn Văn	Hiệp	25/10/1981						
16	202114034	Đinh Nữ Diệu	Hoài	17/03/1991						
17	202114037	Nguyễn Ngọc	Hùng	12/06/1969						
18	202114042	Nguyễn Hoàng	Lâm	15/06/1986						
19	202114047	Nguyễn Ngọc Thùy	Linh	01/12/1977						
20	202114048	Nguyễn Thị Cẩm	Loan	12/01/1994						
21	202114054	Lại Hoàng	Minh	19/08/1993						
22	202114053	Phạm Nhật	Minh	27/10/1996						
23	202114057	Trần Ngọc	Mỹ	04/04/1985						
24	202114058	Nguyễn Thị Thu	Ngân	10/12/1985						
25	202114061	Tô Bội	Ngọc	01/01/1987						
26	202114062	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	27/11/1994						
27	202114064	Nguyễn Hữu	Nhân	29/03/1993						
28	202114067	Nguyễn Thị Yến	Nhi	18/03/1997						
29	192114049	Hồ Thị Diễm	Phượng	18/06/1995						
30	202114079	Nguyễn Ngọc	Tâm	15/08/1987						
31	192114059	Dương Văn	Thanh	04/01/1979						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	202114080	Phạm Thị Phương	Thanh	22/11/1997						
33	202114081	Trần Thị Thu	Thảo	29/07/1992						
34	202114082	Vũ Hoàng Phương	Thảo	24/07/1996						
35	202114087	Trần Thị Hà	Thu	20/03/1993						
36	202114090	Viên Ngọc Anh	Thy	22/08/1997						
37	202114091	Võ Thị Đức	Toàn	10/05/1994						
38	202114092	Nguyễn Thị Thanh	Trâm	03/01/1989						
39	202114096	Lê Thị Hồng	Vân	14/08/1996						
40	202114097	Trần Thanh	Vân	21/03/1983						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CFIN60500403

Môn thi: **Sản phẩm tài chính phái sinh**

Mã ca thi: **THI195617**

Thời gian thi:

Giờ thi: **09g00**

Ngày thi: **30/10/2021**

Phòng thi: **BOX-01**

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	202111004	Phạm Nguyễn Trang	Anh	03/05/1998						
2	202111005	Trần Nguyễn Lan	Anh	30/07/1997						
3	202111009	Lê Ngọc	Ánh	12/09/1990						
4	202111008	Võ Thị Ngọc	Ánh	20/02/1997						
5	202111014	Đậu Văn	Chung	07/12/1995						
6	202111017	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	09/11/1984						
7	202111018	Bùi Huỳnh Mỹ	Dung	10/08/1985						
8	202111021	Bùi Thanh	Duy	06/06/1997						
9	202111022	Phạm Mĩ	Duyên	20/10/1994						
10	202111019	Trịnh Đình Hồng	Dương	23/05/1998						
11	192111018	Hồ Hồng	Đức	13/10/1993						
12	201111020	Thạch Thị Mỹ	Hằng	01/05/1989						
13	202111033	Diệp Thị	Hiền	10/05/1996						
14	202111030	Nguyễn Phan Ngọc	Hiền	11/06/1996						
15	202111130	Nguyễn Minh	Hoàng	08/12/1997						
16	202111044	Đinh Việt	Hùng	02/05/1997						
17	202111051	Uông Tùng	Khánh	15/11/1993						
18	202111058	Thái Thị Lý	Lành	30/07/1994						
19	202111060	Nguyễn Mai Kim	Liên	18/05/1996						
20	201111035	Mai Xuân	Lịch	17/09/1992						
21	202111062	Nguyễn Thị Kim	Loan	20/08/1985						
22	201111043	Nguyễn Hiền	Lương	12/10/1988						
23	202111065	Nguyễn Thị Tuyết	Ly	11/04/1991						
24	202111064	Phan Khánh	Ly	10/02/1993						
25	192111061	Phan Nhựt	Nam	20/01/1994						
26	202111068	Liêu Kim	Ngân	01/10/1985						
27	202111072	Phan Trọng	Nghĩa	25/12/1998						
28	202111071	Lê Thị Thanh	Nghị	27/04/1995						
29	202111076	Võ Hoàng Yến	Nhi	06/05/1998						
30	202111081	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	19/04/1997						
31	202111087	Phạm Thanh	Quý	29/09/1995						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	202111088	Nguyễn Thanh Trúc	Quỳnh	12/07/1997						
33	202111092	Lê Văn	Tấn	11/03/1992						
34	202111095	Trần Ngọc	Thành	27/04/1992						
35	202111105	Đỗ Thu	Thủy	12/04/1995						
36	202111107	Nguyễn Thủy	Tiên	22/05/1997						
37	201111091	Trần Minh	Tuấn	28/04/1996						
38	202111122	Phan Thanh	Tuyền	10/12/1996						
39	202111123	Phan Hà Phương	Vân	26/10/1994						
40	202111129	Huỳnh Thị Như	Ý	04/05/1995						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CMAN60201706

Môn thi: **Quản trị chất lượng**

Mã ca thi: **THI195618**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **31/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	202107001	Trần Thị Dương	An	22/04/1984						
2	202107005	Vũ Mai	Anh	22/03/1991						
3	202107012	Nguyễn Thị Cẩm	Châu	26/09/1998						
4	202107014	Chung Thoại	Chương	09/11/1996						
5	202107016	Lâm Thành	Cơ	22/03/1993						
6	202107018	Nguyễn Thị Hồng	Cúc	24/06/1990						
7	202107030	Hoàng Thị Ngọc	Diệp	08/08/1985						
8	202107037	Phạm Trần Anh	Duy	16/04/1995						
9	202107041	Trần Thị Bích	Duyên	18/12/1997						
10	202107036	Nguyễn Hoàng	Dũng	28/03/1990						
11	202107035	Nguyễn Văn	Dũng	07/03/1991						
12	202107048	Hoàng	Hà	28/09/1995						
13	202107050	Ngô Doãn	Hải	07/10/1994						
14	202107053	Võ Nguyệt Phương	Hằng	18/02/1993						
15	202107060	Đinh Văn Trung	Hiếu	21/12/1995						
16	202107067	Kiều Ngọc	Hoàng	12/07/1978						
17	202107064	Phan Thái	Hòa	01/10/1991						
18	202107072	Nguyễn Ngọc	Hùng	14/10/1994						
19	202107075	Chu Quốc	Hung	27/07/1996						
20	202107105	Trần Minh	Mẫn	28/10/1987						
21	202107106	Vũ Thị Ngọc	Mến	09/12/1992						
22	202107113	Trần Thị Thúy	Nga	26/03/1997						
23	202107122	Lương Tài	Nhân	22/03/1989						
24	202107126	Trần Thị Phương	Nhi	06/10/1995						
25	202107131	Phạm Nguyễn Kiều	Oanh	23/10/1997						
26	202107144	Trần Thị Trúc	Quỳnh	11/09/1997						
27	202107147	Đỗ Bảo	Sơn	18/02/1994						
28	202107160	Phạm Nguyễn Trang	Thảo	26/11/1995						
29	202107161	Trương Thị Như	Thảo	03/03/1985						
30	202107151	Trình Ngọc	Thạch	08/12/1991						
31	202107175	Nguyễn Võ Ngọc	Thủy	17/10/1994						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	202107176	Nguyễn Ngọc Ánh	Thy	25/05/1992						
33	202107177	Đỗ Khánh	Tiên	18/10/1992						
34	202107180	Trần Đình	Tiến	15/04/1997						
35	202107179	Hồ Dũng	Tiến	01/01/1997						
36	202107181	Lê Hoàng	Tin	02/08/1997						
37	202107182	Nguyễn Huỳnh Phước	Tín	02/11/1993						
38	202107201	Trịnh Khúc Hoàng	Tuấn	03/08/1997						
39	202107211	Trịnh Thụy	Vũ	02/11/1987						
40	202107213	Nguyễn Bá	Vương	03/03/1994						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CGLO60301401

Môn thi: **Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu**

Mã ca thi: **THI195619**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **31/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	202109001	Nguyễn Thị Hào	An	04/12/1983						
2	202109003	Lâm Nguyễn Kim	Châu	19/04/1998						
3	202109005	Nguyễn Ngọc	Diễn	07/07/1996						
4	202109008	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	15/11/1992						
5	202109006	Tô Quốc	Dũng	13/11/1996						
6	202109004	Võ	Đạt	28/06/1997						
7	202109009	Trần Văn	Hải	19/03/1997						
8	202109010	Lê Thị Hồng	Hạnh	11/05/1993						
9	202109012	Nguyễn Thị Hoàng	Hy	26/11/1995						
10	202109013	Nguyễn Đăng	Khoa	19/02/1994						
11	202109015	Lê Thị Thu	Lan	01/06/1995						
12	202109017	Bùi Thị Nhung	Lụa	26/11/1994						
13	202109018	Vũ Thảo Phương	Mai	15/10/1985						
14	202109019	Nguyễn Hải Tuyết	Minh	11/11/1997						
15	202109020	Phan Thị Hoài	Mơ	30/07/1994						
16	202109021	Trần Thị Kim	Nga	23/07/1994						
17	202109024	Phan Thị Huyền	Nghiêu	13/11/1988						
18	201109016	Nguyễn Đức	Ngọc	07/04/1997						
19	202109027	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	07/09/1994						
20	202109025	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	02/06/1994						
21	202109026	Trần Thảo	Ngọc	27/06/1997						
22	192109024	Nguyễn Trung	Nguyên	18/09/1995						
23	202109028	Đàm Ngọc	Phúc	24/02/1991						
24	202109029	Phạm Hoài	Phương	05/09/1996						
25	202109030	Nguyễn Tri	Phượng	05/02/1985						
26	202109033	Diệp Phạm Hoa	Thanh	15/03/1998						
27	202109031	Nguyễn Lê Thảo	Thanh	06/09/1998						
28	202109032	Võ Minh	Thanh	07/03/1997						
29	202109034	Đoàn Thiện Tứ	Thành	29/04/1998						
30	202109036	Nguyễn Thành	Thuận	24/12/1998						
31	202109038	Nguyễn Thị Thu	Thuyết	09/04/1996						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	202109037	Lê Ngọc Thanh	Thủy	07/02/1989						
33	202109039	Nguyễn Trung Mỹ	Tiên	17/01/1996						
34	202109040	Đỗ Ngọc Bảo	Trâm	03/12/1996						
35	202109041	Nguyễn Thành	Trí	02/01/1992						
36	201109032	Trần Đình Minh	Trí	25/11/1982						
37	202109044	Lê Phương	Tùng	20/09/1993						
38	202109042	Nguyễn Ngô Cẩm	Tú	30/11/1992						
39	202109043	Vũ Thị Thanh	Tú	17/10/1995						
40	202109047	Nguyễn Thị	Xoa	25/03/1984						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CBRA60301202

Môn thi: **Quản trị thương hiệu**

Mã ca thi: **THI195620**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **31/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	202110001	Hoàng Vũ Thế	Anh	01/01/1988						
2	202110002	Trần Lê Đức	Bảo	18/10/1994						
3	202110003	Nguyễn Vũ Bảo	Châu	01/01/1997						
4	202110004	Trương Lê Phương	Chi	25/03/1996						
5	202110005	Trần Hữu	Công	10/12/1989						
6	201110001	Phạm Ngọc	Dung	27/05/1993						
7	202110010	Vương Đại	Hoàng	05/08/1992						
8	202110011	Hồ Nguyễn Quang	Huy	31/03/1996						
9	202110012	Thái Bình An	Khang	08/02/1997						
10	202110013	Nguyễn Thị Ngọc	Khánh	05/09/1992						
11	202110014	Quan Thị Kim	Khánh	24/01/1976						
12	202110015	Nguyễn Hoàng	Lân	06/08/1998						
13	202110016	Huỳnh Nguyễn Khánh	Linh	25/01/1998						
14	202110017	Lê Thành	Lợi	09/01/1991						
15	202110019	Phạm Thị Quỳnh	Mai	24/04/1996						
16	202110018	Vũ Phương	Mai	31/01/1995						
17	202109019	Nguyễn Hải Tuyết	Minh	11/11/1997						
18	202110020	Huỳnh Thị Kim	Ngân	21/07/1995						
19	202110021	Nguyễn Lê Thảo	Nghi	10/11/1997						
20	202110023	Lê Thị	Nghĩa	19/03/1986						
21	202110022	Tsàn Dũng	Nghĩa	09/07/1996						
22	202110024	Trần Thị Bảo	Ngọc	29/05/1976						
23	202110025	Hoàng Phùng	Nguyên	04/03/1992						
24	202110027	Đặng Thị Thanh	Nhã	21/09/1996						
25	202110028	Hồ Thị Tú	Nhi	10/12/1998						
26	202110030	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Nhung	08/08/1996						
27	202110029	Hồ Thị Quỳnh	Như	03/01/1996						
28	202110031	Khưu Thị Trúc	Oanh	01/06/1989						
29	202110033	Nguyễn Văn	Phước	25/03/1997						
30	202110034	Huỳnh Võ Sĩ	Thơ	09/01/1996						
31	202110035	Chu Thị Hoài	Thu	01/03/1981						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	202110037	Võ Thiên	Tòng	12/03/1997						
33	202110038	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	08/07/1993						
34	202110039	Đặng Quốc	Trịnh	02/02/1986						
35	202110040	Huỳnh Kim Thanh	Tuyền	08/07/1998						
36	202110041	Đoàn Thụy Thảo	Uyên	13/12/1998						
37	202110043	Trần Thị Kim	Yến	17/06/1990						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CMAN60201705

Môn thi: **Quản trị chất lượng**

Mã ca thi: **THI195621**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **31/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	192107012	Lương Thị Hồng	Cầm	22/03/1990						
2	202107013	Lê Thị Ánh	Chi	02/02/1986						
3	202107038	Võ Nguyễn Minh	Duy	15/09/1998						
4	202107034	Nguyễn Tuấn	Dũng	06/05/1992						
5	202107031	Phạm Đình Thiên	Đức	20/02/1995						
6	202107051	Nguyễn Ngọc	Hân	30/05/1988						
7	202107057	Lê Thị Ngọc	Hiền	01/06/1986						
8	202107059	Phan Trọng	Hiếu	28/11/1975						
9	202107062	Trương Lê Minh	Hiếu	01/11/1990						
10	202107096	Nguyễn Quang Thế	Linh	05/10/1996						
11	202107120	Võ Minh	Ngọc	19/11/1997						
12	202107149	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	05/10/1995						
13	202107168	Thái Thị Ngọc	Thu	05/06/1996						
14	202107173	Ngô Nguyễn Mộng	Thùy	17/06/1997						
15	202107183	Trần Thị	Tín	06/03/1980						
16	202107188	Danh Thị Ngọc	Trân	19/01/1996						
17	202107193	Lại Kha Phương	Trình	21/04/1996						
18	202107195	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	15/05/1994						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CFIN60500401

Môn thi: **Sản phẩm tài chính phái sinh**

Mã ca thi: **THI195622**

Thời gian thi:

Giờ thi: **12g45**

Ngày thi: **31/10/2021**

Phòng thi: **BOX-08**

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	201111007	Vũ Thanh	Bình	30/03/1993						
2	202111010	Nguyễn Thị Thanh	Cầm	06/06/1995						
3	202111011	Phan Công	Chánh	01/01/1982						
4	202111012	Trịnh Thị Giáng	Châu	28/10/1975						
5	202111015	Nguyễn Quốc	Cường	09/09/1993						
6	202111024	Trương Thị	Hà	17/02/1990						
7	202111034	Lã Thị Thu	Hiền	06/05/1995						
8	202111036	Bùi Trung	Hiếu	31/07/1997						
9	202111038	Hoàng Thị	Hoa	03/10/1997						
10	202111048	Lý Chí	Huy	26/10/1994						
11	202111052	Nguyễn Ngọc Đăng	Khoa	13/07/1996						
12	202111057	Trần Thị Hương	Lan	15/12/1994						
13	202111059	Phạm Thị Hương	Liên	22/12/1995						
14	202111061	Trần Hồng	Linh	19/01/1988						
15	202111063	Đỗ Thị Thúy	Loan	13/03/1982						
16	202111069	Phan Nguyễn Phúc	Ngân	06/06/1998						
17	202111070	Huỳnh Châu	Nghi	19/11/1981						
18	202111073	Nguyễn Dương Phương	Nguyên	07/05/1997						
19	202111077	Đinh	Nho	29/11/1997						
20	202111079	Phạm Thị Ngọc	Như	23/07/1993						
21	202111083	Vũ Đức	Phong	05/09/1984						
22	202111096	Nguyễn Minh	Thao	05/08/1990						
23	202111097	Nguyễn Trần Phương	Thảo	05/03/1997						
24	202111093	Hồ Minh	Thắng	05/06/1997						
25	202111101	Đoàn Thị	Thuần	01/02/1990						
26	202111103	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	29/08/1994						
27	202111099	Nguyễn Hoàng Thiên	Thư	20/04/1996						
28	202111108	Nguyễn Thanh	Toàn	02/07/1990						
29	202111110	Trần Nguyễn Minh	Trâm	09/07/1997						
30	202111111	Huỳnh Ngọc	Trân	06/06/1991						
31	202111116	Nguyễn Mỹ	Trình	21/10/1997						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	202111119	Trương Cao Minh	Tuấn	02/03/1985						
33	202111125	Nguyễn Hoàng Ái	Vi	29/03/1997						
34	202111126	Nguyễn Hồng Quốc	Việt	16/10/1995						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CADV60700801

Môn thi: **Kế toán công năng cao**

Mã ca thi: **THI195625**

Thời gian thi:

Giờ thi: **13g00**

Ngày thi: **31/10/2021**

Phòng thi: **VPK.KTO**

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	202114015	Nguyễn Thị Khánh	Dung	04/08/1988						
2	202114017	Nguyễn Thanh	Duy	02/02/1996						
3	202114019	Trần Khánh	Duy	30/04/1993						
4	192114015	Trần Thị Mỹ	Duyên	12/11/1993						
5	202114010	Nguyễn Thị	Đàm	12/01/1994						
6	202114012	Trần Quách Tuệ	Đông	19/12/1995						
7	202114014	Trần Thị Hồng	Đức	06/08/1995						
8	202114026	Đào Văn	Hào	31/01/1987						
9	202114024	Đoàn Thị	Hằng	10/05/1995						
10	202114022	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	10/12/1987						
11	202114029	Lê Trần Thanh	Hiền	02/02/1993						
12	202114041	Nguyễn Văn	Huy	23/06/1998						
13	202114038	Lê Thị	Hương	22/12/1994						
14	202114039	Nguyễn Thị Kim	Hường	17/06/1994						
15	202114046	Nguyễn Thị Thùy	Linh	29/03/1989						
16	202114045	Phạm Phú Phương	Linh	20/11/1996						
17	202114044	Trịnh Thị Trúc	Linh	26/05/1994						
18	202114049	Nguyễn Thị	Lộc	14/12/1992						
19	202114051	Hồ Thị Ngọc	Mai	07/01/1987						
20	202114056	Trần Thị	Mộng	14/06/1989						
21	202114059	Huỳnh Hà Bảo	Ngọc	27/10/1993						
22	202114060	Nguyễn Thị	Ngọc	20/01/1997						
23	202114063	Nguyễn Thị	Nhàn	24/10/1994						
24	202114065	Phan Hoàng	Nhật	04/11/1989						
25	202114066	Phan Thảo	Nhi	21/02/1998						
26	202114068	Hoàng Thị Hồng	Nhung	22/08/1996						
27	202114069	Nguyễn Thị Kim	Nhung	24/10/1986						
28	202114073	Danh Sơn Ngọc	Phương	24/10/1995						
29	202114072	Nguyễn Lê Minh	Phương	22/12/1980						
30	202114071	Nguyễn Thị Thanh	Phương	22/12/1994						
31	202114074	Văn Thị Thanh	Phương	28/02/1990						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	202114077	Đinh Thị Lê	Sa	19/07/1989						
33	202114078	Đặng Hải	Son	25/12/1995						
34	202114085	Lưu Thị Thanh	Thảo	21/06/1996						
35	202114083	Tạ Thị Thanh	Thảo	13/12/1981						
36	202114084	Trần Thị Thu	Thảo	02/06/1991						
37	202114086	Phạm Tạ Thu	Thâu	10/01/1984						
38	202114089	Hoàng Thị Bích	Thủy	29/05/1985						
39	202114088	Tôn Nữ Anh	Thư	19/11/1997						
40	202114093	Quách Thị Thùy	Trang	17/03/1995						
41	202114094	Hoàng Nguyễn Quốc	Trí	06/11/1997						
42	202114098	Nguyễn Thị Tường	Vi	24/12/1990						
43	202114099	Tiêu Hoàng	Vũ	07/01/1983						
44	202114100	Võ Thị Trường	Vy	31/05/1993						
45	201114056	Nguyễn Trí	Xuân	17/11/1996						
46	202114101	Đặng Ngọc Thảo	Yên	23/04/1992						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1STR60201201

Môn thi: **Quản trị chiến lược**

Mã ca thi: **THI195626**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **01/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211107011	Đồng Thị Như	Anh	02/02/1980						
2	211107008	Nguyễn Vũ Phương	Anh	04/09/1994						
3	211107005	Trần Kim	Anh	05/04/1997						
4	211107010	Trần Thị Vân	Anh	09/05/1988						
5	211107002	Cao Nhật	Ân	14/04/1997						
6	211107018	Võ Trọng	Bình	07/03/1993						
7	211107020	Nguyễn Bảo	Chân	13/06/1992						
8	211107024	Lê Quang	Công	10/01/1988						
9	211107036	Nguyễn Kim	Dung	23/04/1997						
10	211107042	Phạm Quang	Duy	30/03/1995						
11	211107044	Lê Thị Mỹ	Duyên	16/05/1996						
12	211107040	Huỳnh Sơn	Dương	03/09/1993						
13	211107039	Trần Đại	Dương	03/04/1986						
14	211107052	Nguyễn Đăng	Hải	31/05/1988						
15	211107057	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	27/08/1989						
16	211107066	Nguyễn Công	Hậu	13/07/1995						
17	211107077	Nguyễn Thanh	Hiếu	27/06/1981						
18	211107072	Lê Huỳnh Ngọc	Hiệp	20/01/1998						
19	211107081	Nguyễn Xuân	Hoàng	13/08/1988						
20	211107080	Nguyễn Tiến	Hòa	21/05/1996						
21	211107084	Nguyễn Văn	Huân	28/12/1987						
22	211107086	Trần Hồng Quốc	Hùng	02/09/1993						
23	211107090	Huỳnh Công	Hung	28/07/1991						
24	211107093	Nguyễn Thị Thu	Hường	28/09/1975						
25	211107092	Phạm Thị Ngọc	Hường	23/03/1989						
26	211107104	Ngô Đăng	Khoa	30/04/1994						
27	211107105	Thạch Minh	Khôi	02/06/1994						
28	211107107	Nguyễn Thị Bảo	Kim	12/08/1990						
29	211107108	Lưu Quý	Kỳ	10/10/1989						
30	211107112	Nguyễn Hồng	Linh	19/09/1990						
31	211107115	Nguyễn Phước	Linh	06/05/1992						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	211107119	Lê Nguyễn Hoàng	Luân	26/06/1984						
33	211107133	Nguyễn Thị Diễm	My	15/11/1990						
34	211107142	Đào Thị Kim	Ngân	14/12/1989						
35	211107155	Nguyễn Minh	Nhật	07/04/1985						
36	211107158	Nguyễn Yến	Nhi	16/08/1999						
37	211107161	Bùi Thị Huỳnh	Như	11/11/1996						
38	211107169	Trần Văn	Phổ	08/12/1989						
39	211107171	Phùng Thị Hồng	Phúc	31/10/1995						
40	211107174	Trần Kim	Phụng	12/08/1993						
41	211107184	Huỳnh Thị Trúc	Phương	22/09/1992						
42	211107177	Nguyễn Trần Hồng	Phước	26/05/1993						
43	211107189	Cao Minh	Quân	06/08/1993						
44	202107142	Nguyễn Quỳnh	Quyên	23/07/1995						
45	211107194	Trương Thị Lệ	Quyên	16/06/1989						
46	211107199	Lê Thị Thanh	Tâm	26/09/1984						
47	211107200	Dương Công Nhật	Tân	29/09/1996						
48	211107209	Nguyễn Thị Thùy	Thanh	26/05/1989						
49	211107221	Hoàng Thị	Thiện	17/03/1993						
50	211107223	Vũ Ngọc	Thịnh	07/09/1987						
51	211107231	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	06/05/1997						
52	211107240	Nguyễn Trung	Tín	12/08/1993						
53	211107241	Lương Hồng	Toàn	20/10/1994						
54	211107248	Đôn Thụy Thùy	Trang	01/01/1991						
55	211107243	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	20/10/1997						
56	211107247	Diệp Bảo	Trân	27/11/1997						
57	211107257	Phan Thanh	Trúc	29/07/1994						
58	211107268	Nguyễn Thanh	Tuất	06/08/1994						
59	211107269	Nguyễn Lê	Tùng	24/10/1994						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1FIN60202405

Môn thi: **Tài chính cho nhà quản trị**

Mã ca thi: **THI195627**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **01/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211107001	Phạm Phú Thiên	An	24/11/1995						
2	211107009	Phạm Đức	Anh	14/11/1997						
3	211107003	Vũ Thị Hồng	Ân	11/04/1997						
4	211107037	Nguyễn Đỗ Xuân	Dung	25/01/1987						
5	211107041	Lê Thị Thùy	Dương	26/01/1997						
6	211107032	Hồ Gia Khánh	Định	15/10/1997						
7	211107034	Lâm	Đức	14/07/1985						
8	211107047	Nguyễn Hà	Giang	13/05/1987						
9	211107049	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	14/06/1991						
10	211107062	Hoàng Nguyễn Quách	Hào	20/05/1998						
11	211107063	Trần Thị Bích	Hào	30/08/1985						
12	211107061	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	01/01/1988						
13	211107053	Đoàn Thị Thúy	Hằng	16/02/1990						
14	211107054	Võ Thị Phụng	Hằng	08/12/1994						
15	211107069	Trần Thu	Hiền	18/11/1997						
16	211107082	Chung Dao	Hồng	14/10/1990						
17	211107096	Hồ Thị Hồng	Huyền	16/10/1996						
18	211107088	Nguyễn Việt	Hùng	23/01/1995						
19	211107086	Trần Hồng Quốc	Hùng	02/09/1993						
20	211107091	Huỳnh Lê	Hung	08/03/1989						
21	211107108	Lưu Quý	Kỳ	10/10/1989						
22	211107118	Nguyễn Hữu	Long	10/10/1992						
23	211107130	Đào Lê Trúc	Mai	10/04/1997						
24	211107131	Võ Thị Thu	Miền	18/11/1993						
25	211107132	Bùi Hữu	Minh	01/06/1997						
26	211107137	Lê Nguyễn Thu	Nga	16/09/1994						
27	211107145	Nguyễn Huỳnh Phúc	Nghi	30/10/1996						
28	211107149	Nguyễn Bảo	Ngọc	05/05/1999						
29	211107152	Nguyễn Vinh	Nguyên	28/11/1996						
30	211107151	Nguyễn Trần Bá	Ngữ	03/11/1998						
31	211107153	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	02/06/1998						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	211107162	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	10/05/1997						
33	211107168	Huỳnh Tường	Phát	07/02/1985						
34	211107175	Nguyễn Anh	Phụng	29/05/1999						
35	211107183	Hàn Trọng	Phương	05/03/1990						
36	211107182	Nguyễn Thị Nhất	Phương	18/06/1990						
37	211107186	Nguyễn Văn	Phương	01/04/1978						
38	211107189	Cao Minh	Quân	06/08/1993						
39	202107142	Nguyễn Quỳnh	Quyên	23/07/1995						
40	211107193	Trần Thụy Đỗ	Quyên	25/11/1993						
41	211107210	Tô Lê Minh	Thanh	29/10/1986						
42	211107205	Hà Đức	Thắng	01/06/1994						
43	211107238	Lê Thị Thùy	Tiên	06/10/1991						
44	211107239	Trần Văn	Tiền	21/07/1974						
45	211107242	Trần Thị Thảo	Trâm	03/08/1978						
46	211107253	Nguyễn Minh	Trí	03/09/1998						
47	211107260	Vũ Nhật	Trường	22/11/1992						
48	211107271	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	12/03/1996						
49	211107270	Nguyễn Thanh	Tuyền	20/08/1994						
50	211107264	Nguyễn Mai Thanh	Tú	16/12/1988						
51	201107147	Phạm Quang	Vinh	27/08/1990						
52	211107278	Huỳnh Hoàng	Vũ	27/07/1982						
53	211107286	Nguyễn Ngọc Phương	Vy	03/11/1999						
54	211107284	Trần Đắc Tường	Vy	21/10/1997						
55	211107288	Nguyễn Trang Xuân	Yến	03/01/1993						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1FIN60600102

Môn thi: **Thị trường và các định chế tài chính**

Mã ca thi: **THI195628**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **01/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211112001	Đình Phạm Hồng	Anh	13/09/1998						
2	211112002	Nguyễn Ngọc	Anh	19/07/1987						
3	211112006	Phạm Công	Danh	16/12/1993						
4	211112007	Phạm Thị Bích	Đào	29/08/1985						
5	211112012	Khuất Thái	Hanh	17/12/1978						
6	211112017	Huỳnh Huy	Hoàng	30/06/1993						
7	201112017	Đỗ Quang	Học	03/03/1992						Nợ HP
8	201112018	Nguyễn Thị	Hồng	25/05/1990						Nợ HP
9	211112020	Nguyễn Thị Bích	Huyền	28/05/1994						
10	211112019	Lưu Thị Xuân	Hương	08/06/1994						
11	202112024	Nguyễn Văn	Khoa	08/12/1982						Nợ HP
12	211112021	Hồ Vũ Hồng	Lạc	01/08/1984						
13	211112023	Nguyễn Thị Mỹ	Lộc	24/01/1994						
14	211112027	Dương Văn	Minh	18/12/1979						
15	211112026	Trần Công	Minh	15/06/1990						
16	211112029	Vũ Thị	Ngọc	15/01/1998						
17	211112031	Võ Minh	Nhã	01/10/1989						
18	192212018	Nguyễn Huỳnh	Như	06/02/1995						Nợ HP
19	211112033	Nguyễn Thanh	Phương	22/04/1994						
20	211112036	Nguyễn Hà Minh	Tâm	13/02/1998						
21	211112038	Nguyễn Ngọc	Tâm	17/09/1992						
22	211112042	Nguyễn Thị Anh	Thi	04/10/1997						
23	211112043	Dương Nguyễn Minh	Thư	28/08/1999						
24	211112046	Võ Đức	Trí	27/03/1996						
25	211112049	Nguyễn Chí	Trung	19/09/1978						
26	211112050	Vũ Xuân	Trung	27/08/1994						
27	211112048	Lữ Thị Thanh	Trúc	28/08/1976						
28	211112052	Vòng Mỹ	Vân	17/03/1995						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 29
LỚP 21D1STR61200701

Môn thi: **Quản trị chiến lược các tổ chức công**

Mã ca thi: **THI195629**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **01/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	192116032	Phansavath	Boutdakh am	26/07/1994						
2	192116025	Hoththilath	Johnny	05/09/1988						Nợ HP
3	192116031	Koulavong	Metmany	07/01/1996						Nợ HP
4	192116029	Senesouvath	Phatthak hone	22/06/1994						Nợ HP
5	192116026	Keokaysone	Sanvixay	09/04/1988						Nợ HP
6	7701281319A	Moukdavhong	Soly	18/11/1985						Nợ HP
7	7701281326A	Xaymonty	Somvichi th	08/09/1991						Nợ HP
8	192116028	Bouddavanh	Soulikon e	24/10/1992						Nợ HP
9	192116027	Khunlapvisetakhom	Venkeo	07/10/1989						Nợ HP

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.1
LỚP 21D1CRE60600802

Môn thi: **Rủi ro tín dụng và chính sách cho vay**

Mã ca thi: **THI195631**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **02/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	201112001	Nguyễn Duy	Bình	08/03/1994						
2	201112005	Đặng Thị Thùy	Dung	30/10/1990						
3	201112004	Hồ Phan Đức	Dung	15/10/1997						
4	201112006	Nguyễn Anh	Duy	28/06/1996						
5	201112007	Nguyễn Đức	Duy	22/04/1992						
6	201112008	Nguyễn Bảo	Giang	14/11/1997						
7	201112009	Nguyễn Hoàng Như	Hà	07/06/1991						
8	201112011	Hoàng Nguyễn Minh	Hằng	08/05/1991						
9	201112010	Nguyễn Dương Gia	Hân	15/11/1997						
10	202112016	Nguyễn Thị	Hậu	26/10/1993						
11	201112013	Võ Trần Thu	Hiền	17/12/1995						
12	201112016	Nguyễn Bảo Minh	Hoàng	10/10/1995						
13	201112015	Phạm Tô Minh	Hoàng	18/11/1996						
14	201112021	Huỳnh Đức	Huy	19/04/1996						
15	201112020	Nguyễn Hoàng	Huy	28/03/1996						
16	201112022	Trần Hoàng Quốc	Huy	22/06/1997						
17	201112019	Nguyễn Quang	Hướng	16/11/1995						
18	201112023	Ngô Phúc	Khánh	12/03/1997						
19	201112025	Nguyễn Tấn	Khoa	10/01/1998						
20	201112024	Trần Võ Anh	Khoa	06/06/1996						
21	201112026	Lưu Minh	Kiệt	24/07/1994						
22	201112028	Đào Mỹ	Linh	31/03/1997						
23	201112029	Ngô Thị Diệu	Linh	09/09/1995						
24	201112030	Phạm Ngọc	Long	18/08/1990						
25	201112031	Phan Thị Mỹ	Ly	30/07/1996						
26	201112032	Phan Thị	Mai	12/01/1995						
27	201112033	Trần Ngọc Thảo	Ngân	05/04/1994						
28	201112034	Nguyễn Thị Yến	Nhi	31/12/1993						
29	201112036	Đặng Thị Ái	Như	18/09/1994						
30	201112037	Trần Thị	Quy	06/12/1992						
31	201112041	Lâm Văn	Thành	10/06/1998						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	201112042	Phạm Thị Thanh	Thảo	03/05/1989						
33	201112039	Trần Quang	Thái	16/05/1981						
34	201112043	Nguyễn Minh	Thuận	10/08/1988						
35	201112045	Trần Thị Ngọc	Thùy	02/07/1998						
36	202112048	Nguyễn Hà Mỹ	Thủy	02/04/1985						
37	201112044	Đặng Thị	Thúy	20/02/1997						
38	201112046	Lê Nhật	Tín	13/02/1995						
39	201112047	Nguyễn Văn	Tới	05/05/1991						
40	201112050	Lê Thị Huyền	Trang	02/12/1997						
41	201112049	Trần Lê Quỳnh	Trang	06/12/1997						
42	201112048	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	16/09/1997						
43	201112051	Huỳnh Minh	Tuấn	17/09/1993						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1STR60201202

Môn thi: **Quản trị chiến lược**

Mã ca thi: **THI195632**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **03/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211107006	Nguyễn Hoàng	Anh	28/01/1990						
2	211107007	Nguyễn Vũ Mỹ	Anh	01/04/1996						
3	211107012	Lê Thị Ngọc	Ánh	13/07/1994						
4	211107017	Hứa Chấn	Bảo	01/09/1994						
5	211107016	Phạm Trần Xuân	Bảo	22/06/1993						
6	211107015	Phan Trọng	Bách	14/01/1992						
7	211107014	Nguyễn Việt	Bắc	30/12/1998						
8	211107027	Nguyễn Duy	Cường	09/07/1998						
9	211107037	Nguyễn Đỗ Xuân	Dung	25/01/1987						
10	211107035	Trần Thị	Dung	16/12/1995						
11	211107043	Trần Võ Khắc	Duy	30/12/1995						
12	211107045	Nguyễn Ngọc Tú	Em	28/02/1992						
13	211107058	Võ Hiếu	Hạnh	30/09/1997						
14	211107070	Huỳnh Thị	Hiền	15/07/1983						
15	211107071	Lê Nguyễn Minh	Hiền	14/10/1998						
16	211107075	Phan Hoàng	Hiếu	20/02/1998						
17	211107100	Bùi Thị Thanh	Huyền	27/05/1998						
18	211107098	Nguyễn Thanh	Huyền	15/11/1989						
19	211107101	Nguyễn Thị Như	Huyền	10/01/1998						
20	211107094	Phạm Trọng	Hữu	25/01/1990						
21	211107114	Lê Hoàng Ly	Linh	16/02/1992						
22	211107117	Huỳnh Trọng	Lợi	20/06/1987						
23	211107125	Đặng Thị Thúy	Mai	10/02/1996						
24	211107126	Hồ Nguyễn Xuân	Mai	08/06/1995						
25	211107134	Nguyễn Huy Khánh	Nam	28/09/1992						
26	211107136	Quách Khánh	Nam	08/09/1996						
27	211107139	Lê Thị Kim	Ngân	13/04/1997						
28	211107143	Nguyễn Lâm Phương	Ngân	31/08/1998						
29	211107147	Nguyễn Bùi Hữu	Nghĩa	26/09/1990						
30	211107149	Nguyễn Bảo	Ngọc	05/05/1999						
31	211107148	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	05/11/1998						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	211107164	Vũ Thị Hồng	Nhung	11/04/1987						
33	211107163	Lê Huỳnh	Như	26/07/1995						
34	211107180	Dương Thị Minh	Phuong	22/11/1986						
35	211107186	Nguyễn Văn	Phuong	01/04/1978						
36	211107178	Lê Trọng	Phước	19/05/1989						
37	211107190	Nguyễn Mạnh	Quân	24/04/1996						
38	211107196	Huỳnh Ngọc	Quỳnh	27/07/1980						
39	211107208	Nguyễn Quốc	Thanh	03/03/1995						
40	211107212	Nguyễn Ngọc Thanh	Thảo	03/08/1993						
41	211107218	Phạm Diệp Phước	Thảo	01/04/1998						
42	211107201	Trịnh Quốc	Thái	30/12/1988						
43	211107225	Nguyễn Văn	Thông	24/09/1991						
44	211107228	Lưu Trung Hồng	Thư	14/10/1988						
45	211107251	Lê Thị Huyền	Trang	04/08/1994						
46	211107252	Nguyễn Thị Thu	Trang	30/10/1985						
47	211107250	Trần Thị Thùy	Trang	04/09/1998						
48	211107244	Nguyễn Băng	Trâm	02/02/1998						
49	211107246	Nguyễn Trần Khánh	Trân	21/11/1996						
50	211107245	Hạp Thị Ngọc	Trâm	29/07/1994						
51	202107192	Huỳnh Thị Thảo	Trinh	18/06/1991						
52	211107256	Ngô Mai	Trinh	24/06/1997						
53	211107258	Nguyễn Thị Hồng	Trúc	30/05/1995						
54	211107259	Lê Đan	Trường	26/09/1999						
55	211107266	Lê Minh	Tú	20/09/1998						
56	211107263	Nguyễn Hoàng	Tú	31/05/1997						
57	211107262	Nguyễn Khả	Tú	02/02/1994						
58	211107273	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	23/05/1994						
59	211107279	Nguyễn Thiên	Vũ	27/02/1991						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.1
LỚP 21D1EBU60200403

Môn thi: **Kinh doanh điện tử**

Mã ca thi: **THI195633**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **03/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	201107002	Hồ Trần Hoàng	Anh	06/06/1991						
2	201107008	Phạm Thái	Anh	16/05/1990						
3	201107018	Cao Đức	Cường	23/01/1983						
4	201107017	Dương Mạnh	Cường	05/08/1997						
5	201107024	Phạm Thị Thu	Diễm	24/06/1983						
6	201107025	Tăng Xuân	Diệu	28/02/1993						
7	201107021	Lê Thành	Đạt	29/09/1997						
8	201107020	Võ Vĩnh	Đạt	08/05/1992						
9	201107038	Nguyễn Long	Hải	05/08/1984						
10	201107040	Phan Thanh	Hải	01/05/1982						
11	201107039	Trương Hoàng Sơn	Hải	17/08/1998						
12	201107042	Trần Thị Mỹ	Hạnh	01/07/1993						
13	201107043	Võ Thị	Hạnh	15/09/1985						
14	201107049	Nguyễn Chí	Hiếu	11/10/1993						
15	192107053	Hoàng Thị	Hòa	24/05/1993						
16	201107055	Nguyễn Quang	Huy	01/04/1985						
17	201107061	Nguyễn Đức	Khánh	05/09/1993						
18	201107062	Công Huyền Tôn Nữ Thúy	Kiều	15/08/1992						
19	201107068	Bùi Thị Diệu	Linh	01/06/1991						
20	201107064	Nguyễn Thị Diệu	Linh	06/09/1997						
21	201107067	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	20/10/1994						
22	201107072	Lê Đức	Mạnh	16/06/1993						
23	201107079	Ngô Mai Kim	Ngân	27/09/1997						
24	201107085	Dương Tuấn	Ngọc	06/02/1993						
25	201107088	Lê Thùy	Nguyên	01/03/1994						
26	201107089	Nguyễn Thanh	Nhân	20/11/1995						
27	192107121	Tổng Quang	Nhật	25/01/1983						
28	201107093	Trình Hồng	Phi	20/10/1995						
29	201107096	Trần	Phúc	31/10/1995						
30	201107100	Nguyễn Ngọc Diễm	Quỳnh	20/11/1991						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
31	201107101	Nguyễn Trần Tổ	Quỳnh	09/08/1998						
32	201107102	Trần Minh	Ry	25/05/1994						
33	201107107	Phạm Thị Thu	Thảo	09/03/1996						
34	201107108	Tô Phước	Thảo	06/11/1990						
35	201107113	Dương Anh	Thuận	12/12/1994						
36	201107114	Huỳnh Thị Thanh	Thùy	27/03/1990						
37	201107115	Lê Thị	Thủy	11/10/1991						
38	201107118	Nguyễn Minh	Toàn	08/09/1996						
39	201107117	Phạm	Toàn	21/02/1997						
40	201107121	Trần Ngọc Mỹ	Trân	27/02/1994						
41	192107205	Phạm Duy	Tuấn	14/04/1983						
42	201107137	Trần Thị Ánh	Tuyết	21/06/1992						
43	201107130	Nguyễn Đức Cẩm	Tú	15/09/1996						
44	201107147	Phạm Quang	Vinh	27/08/1990						
45	201107153	Trần Thị Hoàng	Yến	28/05/1996						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1GLO60300202

Môn thi: **Quản trị kinh doanh toàn cầu**

Mã ca thi: **THI195634**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **04/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211110041	Lim	Chhivith	16/03/1995						
2	211110005	Nguyễn Huỳnh Trường	Duân	16/02/1994						
3	211110008	Nguyễn Huỳnh Thùy	Dương	29/08/1984						
4	211109008	Lê Thanh	Hà	08/11/1993						
5	211109010	Lê Thị Hồng	Hạnh	10/06/1991						
6	211110011	Nguyễn Thị Hiếu	Hạnh	07/03/1976						
7	211110012	Châu	Hiền	14/11/1996						
8	211110014	Nguyễn Công	Hoàng	19/05/1994						
9	211109011	Nguyễn Phước	Hưng	04/01/1999						
10	211110015	Nguyễn Thị	Liên	28/07/1998						
11	211109014	Bùi Thị	Linh	20/05/1995						
12	211110016	Đinh Hoàng Khánh	Linh	20/01/1998						
13	211109017	Phạm Phương	Linh	14/03/1999						
14	211110018	Nguyễn Thị Mai	Ly	07/11/1999						
15	211109026	Nguyễn Thiên Sinh	Phúc	06/01/1998						
16	211109028	Ngô Minh	Phương	25/06/1995						
17	211109027	Trần	Phương	28/03/1990						
18	211110042	Doung	Sokhana	15/02/1997						
19	211110025	Thái Hồng	Son	10/05/1998						
20	211109032	Nguyễn Ngọc Vân	Thảo	20/09/1988						
21	211109033	Nguyễn Thị Phương	Thảo	04/02/1984						
22	211110026	Tô Trúc	Thảo	20/11/1994						
23	211109036	Phan Hồng	Thiên	25/05/1988						
24	211110027	Phạm Tiến	Thịnh	04/11/1996						
25	211110032	Nguyễn Thị	Tình	22/05/1988						
26	211110035	Trần Thanh	Trúc	29/09/1979						
27	211109047	Dương Duy	Tùng	12/11/1998						
28	211109048	Nguyễn Cát	Tường	02/05/1999						
29	211110038	Nguyễn Thế	Vinh	30/04/1981						
30	211109054	Võ Nguyễn Tường	Vy	01/12/1998						
31	211109056	Nguyễn Thị Mỹ	Xuyên	21/06/1997						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	211110040	Hoàng Hải	Yến	17/11/1986						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1STR60201204

Môn thi: **Quản trị chiến lược**

Mã ca thi: **THI195635**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **05/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211107013	Nghiêm Thị Ngọc	Ánh	24/01/1998						
2	211107025	Lê Thị Ngọc	Cúc	31/10/1980						
3	211107026	Nguyễn Nhật	Cường	01/01/1989						
4	211107029	Nguyễn Phúc	Cường	04/07/1992						
5	211107031	Trương Hồng	Diệp	21/01/1983						
6	211107033	Nguyễn Thế Anh	Đức	27/09/1992						
7	211107048	Nguyễn Thị Kim	Giao	23/03/1988						
8	211107050	Đông Hoàng	Hải	17/03/1993						
9	201107047	Đinh Vũ Ngọc	Hiền	19/06/1989						
10	211107076	Hoàng Minh	Hiếu	03/06/1994						
11	211107085	Lê Doãn	Huân	20/01/1993						
12	211107095	Nguyễn Huỳnh	Huy	11/11/1988						
13	211107102	Phạm Chí	Kha	25/03/1994						
14	211107109	Nguyễn Đại	Lâm	13/10/1998						
15	211107121	Nguyễn Trường	Lưu	02/07/1995						
16	211107122	Nguyễn Trúc	Ly	29/04/1995						
17	211107135	Lê Giang	Nam	04/10/1984						
18	211107140	Trần Thị Bích	Ngân	29/01/1995						
19	211107146	Lê Trọng	Nghĩa	16/10/1995						
20	211107154	Nguyễn Trí Thành	Nhân	15/05/1990						
21	211107289	Xayyachack	Phaly	03/11/1987						
22	211107167	Trần Minh Thực	Phán	11/01/1994						
23	211107170	Ngô Văn	Phú	20/12/1996						
24	211107173	Ngô Thị Kim	Phụng	16/07/1996						
25	211107185	Trần Thị Mai	Phương	30/10/1989						
26	211107188	Vũ Hà	Phương	10/02/1994						
27	211107191	Lê Nguyễn Nam	Quang	15/04/1998						
28	211118013	Bùi Thị Kim	Thanh	24/09/1992						
29	211107211	Nguyễn Cao Chí	Thành	19/10/1998						
30	211107214	Bùi Ngọc	Thảo	20/01/1998						
31	211107213	Lê Thị Thanh	Thảo	10/08/1996						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	211107215	Trần Thị Thạch	Thảo	27/09/1996						
33	211107203	Ngô Anh Quốc	Thái	1983						
34	211107204	Thái Văn	Thắng	15/03/1992						
35	211107206	Trần Văn	Thắng	28/12/1990						
36	211107222	Nguyễn Viết	Thịnh	20/10/1992						
37	211107224	Trần Phước	Thọ	06/02/1993						
38	211107227	Lê Minh	Thông	20/03/1997						
39	211107232	Nguyễn Thị Minh	Thuận	15/03/1985						
40	211107234	Lê Thị Thu	Thủy	23/05/1996						
41	211107235	Nguyễn Thị Phương	Thủy	01/09/1997						
42	211107230	Trần Thị Thanh	Thư	21/05/1995						
43	211107237	Trần Nguyễn Anh	Thy	22/05/1998						
44	211107267	Nguyễn Vũ Anh	Tuấn	29/10/1997						
45	211107265	Lê Văn	Tú	22/05/1993						
46	211107261	Nguyễn Hoàng Nguyên	Tú	02/04/1994						
47	211107274	Ngô Thị Hồng	Vện	15/03/1993						
48	211107280	Phạm Văn	Vương	12/11/1996						
49	211107282	Huỳnh Vũ Khánh	Vy	18/07/1995						
50	211107285	Nguyễn Thị Thanh	Vy	18/05/1989						
51	211107281	Phạm Trần Tường	Vy	10/09/1989						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1STR60201205

Môn thi: **Quản trị chiến lược**

Mã ca thi: **THI195636**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **05/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211107001	Phạm Phú Thiên	An	24/11/1995						
2	211107003	Vũ Thị Hồng	Ân	11/04/1997						
3	211107023	Đặng Trần Mỹ	Chung	22/10/1997						
4	211107041	Lê Thị Thùy	Dương	26/01/1997						
5	211107032	Hồ Gia Khánh	Định	15/10/1997						
6	211107034	Lâm	Đức	14/07/1985						
7	211107047	Nguyễn Hà	Giang	13/05/1987						
8	211107049	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	14/06/1991						
9	211107062	Hoàng Nguyễn Quách	Hào	20/05/1998						
10	211107063	Trần Thị Bích	Hảo	30/08/1985						
11	211107061	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	01/01/1988						
12	211107056	Phạm Thị	Hạnh	23/11/1996						
13	211107053	Đoàn Thị Thúy	Hằng	16/02/1990						
14	211107054	Võ Thị Phụng	Hằng	08/12/1994						
15	211107064	Bùi Đức	Hậu	05/11/1996						
16	211107065	Tô Lâm	Hậu	03/08/1998						
17	211107069	Trần Thu	Hiền	18/11/1997						
18	211107073	Nguyễn Đức	Hiệp	27/02/1998						
19	211107082	Chung Dao	Hồng	14/10/1990						
20	211107083	Lê Thị Thúy	Hồng	06/11/1983						
21	211107096	Hồ Thị Hồng	Huyền	16/10/1996						
22	211107088	Nguyễn Việt	Hùng	23/01/1995						
23	211107091	Huỳnh Lê	Hung	08/03/1989						
24	211107130	Đào Lê Trúc	Mai	10/04/1997						
25	211107131	Võ Thị Thu	Miền	18/11/1993						
26	211107132	Bùi Hữu	Minh	01/06/1997						
27	211107137	Lê Nguyễn Thu	Nga	16/09/1994						
28	211107138	Trần Hồng	Nga	04/07/1998						
29	211107141	Nguyễn Thị Giang	Ngân	29/11/1989						
30	211107145	Nguyễn Huỳnh Phúc	Nghi	30/10/1996						
31	211107151	Nguyễn Trần Bá	Ngữ	03/11/1998						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	211107153	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	02/06/1998						
33	211107160	Huỳnh Thị Phương	Nhi	20/12/1987						
34	211107157	Trần Hoàng Anh	Nhi	23/08/1996						
35	211107156	Trần Thanh	Nhi	06/10/1997						
36	211107162	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	10/05/1997						
37	211107175	Nguyễn Anh	Phụng	29/05/1999						
38	211107183	Hàn Trọng	Phương	05/03/1990						
39	211107182	Nguyễn Thị Nhất	Phương	18/06/1990						
40	211107195	Đoàn Đức	Quyền	13/11/1995						
41	211107205	Hà Đức	Thắng	01/06/1994						
42	211107220	Bùi Thanh	Thi	24/02/1994						
43	211107242	Trần Thị Thảo	Trâm	03/08/1978						
44	211107253	Nguyễn Minh	Trí	03/09/1998						
45	211107260	Vũ Nhật	Trường	22/11/1992						
46	211107271	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	12/03/1996						
47	211107270	Nguyễn Thanh	Tuyền	20/08/1994						
48	211107278	Huỳnh Hoàng	Vũ	27/07/1982						
49	211107286	Nguyễn Ngọc Phương	Vy	03/11/1999						
50	211107284	Trần Đắc Tường	Vy	21/10/1997						
51	211107288	Nguyễn Trang Xuân	Yến	03/01/1993						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1RES60201405

Môn thi: **Phương pháp nghiên cứu khoa học**

Mã ca thi: **THI195637**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **05/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211107013	Nghiêm Thị Ngọc	Ánh	24/01/1998						
2	211107025	Lê Thị Ngọc	Cúc	31/10/1980						
3	211107026	Nguyễn Nhật	Cường	01/01/1989						
4	211107031	Trương Hồng	Diệp	21/01/1983						
5	211107033	Nguyễn Thế Anh	Đức	27/09/1992						
6	211107048	Nguyễn Thị Kim	Giao	23/03/1988						
7	211107050	Đông Hoàng	Hải	17/03/1993						
8	211107067	Nguyễn Lê	Hiền	04/10/1988						
9	211107076	Hoàng Minh	Hiếu	03/06/1994						
10	211107085	Lê Doãn	Huân	20/01/1993						
11	211107095	Nguyễn Huỳnh	Huy	11/11/1988						
12	211107086	Trần Hồng Quốc	Hùng	02/09/1993						
13	211107102	Phạm Chí	Kha	25/03/1994						
14	211107109	Nguyễn Đại	Lâm	13/10/1998						
15	211107121	Nguyễn Trường	Lưu	02/07/1995						
16	211107122	Nguyễn Trúc	Ly	29/04/1995						
17	211107140	Trần Thị Bích	Ngân	29/01/1995						
18	211107146	Lê Trọng	Nghĩa	16/10/1995						
19	211107154	Nguyễn Trí Thành	Nhân	15/05/1990						
20	211107289	Xayyachack	Phaly	03/11/1987						
21	211107167	Trần Minh Thục	Phán	11/01/1994						
22	211107170	Ngô Văn	Phú	20/12/1996						
23	211107173	Ngô Thị Kim	Phụng	16/07/1996						
24	211107185	Trần Thị Mai	Phương	30/10/1989						
25	211107188	Vũ Hà	Phương	10/02/1994						
26	211107191	Lê Nguyễn Nam	Quang	15/04/1998						
27	211107189	Cao Minh	Quân	06/08/1993						
28	192107139	Võ Hoàng	Quốc	24/05/1994						
29	192107149	Lê Văn	Sơn	10/05/1989						
30	211107211	Nguyễn Cao Chí	Thành	19/10/1998						
31	211107214	Bùi Ngọc	Thảo	20/01/1998						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	211107213	Lê Thị Thanh	Thảo	10/08/1996						
33	211107203	Ngô Anh Quốc	Thái	1983						
34	211107204	Thái Văn	Thắng	15/03/1992						
35	211107206	Trần Văn	Thắng	28/12/1990						
36	211107222	Nguyễn Viết	Thịnh	20/10/1992						
37	211107224	Trần Phước	Thọ	06/02/1993						
38	211107227	Lê Minh	Thông	20/03/1997						
39	211107234	Lê Thị Thu	Thủy	23/05/1996						
40	211107235	Nguyễn Thị Phương	Thủy	01/09/1997						
41	211107230	Trần Thị Thanh	Thư	21/05/1995						
42	211107237	Trần Nguyễn Anh	Thy	22/05/1998						
43	211107249	Hồ Thị Thu	Trang	18/12/1985						
44	211107265	Lê Văn	Tú	22/05/1993						
45	211107261	Nguyễn Hoàng Nguyên	Tú	02/04/1994						
46	211107264	Nguyễn Mai Thanh	Tú	16/12/1988						
47	211107274	Ngô Thị Hồng	Vẹn	15/03/1993						
48	211107275	Tiên Tuyết	Vi	15/11/1998						
49	211107282	Huỳnh Vũ Khánh	Vy	18/07/1995						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1STR60201203

Môn thi: **Quản trị chiến lược**

Mã ca thi: **THI195638**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **09/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211107004	Nguyễn Minh Quốc	Anh	13/04/1997						
2	211107009	Phạm Đức	Anh	14/11/1997						
3	211107019	Nguyễn Thị	Bình	27/04/1994						
4	211107021	Ngô Minh	Châu	07/11/1988						
5	211107028	Hồ Văn	Cường	01/01/1991						
6	202107040	Trương Thị Ngọc	Duyên	27/08/1991						
7	211107038	Trần Anh	Dũng	23/06/1998						
8	202118003	Nguyễn Anh	Đức	13/10/1990						
9	211107051	Ngô Thị Như	Hải	26/06/1995						
10	211107060	Trần Thị Hồng	Hạnh	30/03/1997						
11	211107068	Lê Thị Thúy	Hiền	06/03/1999						
12	211107074	Trần Trung	Hiếu	05/08/1995						
13	211107079	Trần Thị	Hòa	28/02/1991						
14	211107099	Nguyễn Phạm Ngọc	Huyền	07/11/1981						
15	211107089	Tô Trịnh Bảo	Hung	15/09/1989						
16	211107103	Vũ Thị Kim	Khánh	30/10/1986						
17	211107106	Lâm Vỹ	Kiệt	31/08/1991						
18	211107111	Đỗ Thị Thùy	Linh	19/10/1995						
19	211107118	Nguyễn Hữu	Long	10/10/1992						
20	211107124	Phan Thu	Lý	10/10/1993						
21	211107128	Phan Xuân	Mai	04/04/1996						
22	211107144	Đinh Thị Hồng	Ngân	15/12/1994						
23	211107168	Huỳnh Tường	Phát	07/02/1985						
24	211107172	Võ Hiếu	Phúc	17/02/1987						
25	211107181	Nguyễn Thị Trúc	Phương	25/11/1991						
26	211107193	Trần Thụy Đỗ	Quyên	25/11/1993						
27	211107197	Nguyễn Phượng	Quỳnh	01/07/1999						
28	211107198	Nguyễn Phước	Sang	18/07/1985						
29	211107210	Tô Lê Minh	Thanh	29/10/1986						
30	211107219	Trần Thị Thanh	Thảo	15/04/1993						
31	211107202	Tiêu Thành	Thái	05/07/1987						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	211107236	Trần Bích	Thùy	15/08/1978						
33	211107229	Nguyễn Trần Đà	Thư	09/08/1996						
34	211107238	Lê Thị Thùy	Tiên	06/10/1991						
35	211107239	Trần Văn	Tiền	21/07/1974						
36	211107249	Hồ Thị Thu	Trang	18/12/1985						
37	211107255	Bùi Ngọc Khánh	Trình	19/07/1996						
38	211107254	Hồ Thị Thùy	Trình	13/08/1994						
39	211107264	Nguyễn Mai Thanh	Tú	16/12/1988						
40	211107272	Võ Nhật	Uyên	22/11/1999						
41	211107276	Mai Đỗ Tường	Vi	01/06/1993						
42	211107275	Tiên Tuyết	Vi	15/11/1998						
43	211107277	Nguyễn Ngọc	Vinh	31/07/1989						
44	211107283	Nguyễn Thị Thanh	Vy	22/06/1987						
45	211107287	Nguyễn Thị Như	Ý	19/04/1996						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1DAT60800402

Môn thi: **Phân tích dữ liệu**

Mã ca thi: **THI195639**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **10/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211110041	Lim	Chhivith	16/03/1995						
2	211110005	Nguyễn Huỳnh Trường	Duân	16/02/1994						
3	211110008	Nguyễn Huỳnh Thùy	Dương	29/08/1984						
4	211109008	Lê Thanh	Hà	08/11/1993						
5	211109010	Lê Thị Hồng	Hạnh	10/06/1991						
6	211110010	Bàng Ngọc	Hân	23/08/1987						
7	211110012	Châu	Hiền	14/11/1996						
8	211109011	Nguyễn Phước	Hưng	04/01/1999						
9	211110015	Nguyễn Thị	Liên	28/07/1998						
10	211109014	Bùi Thị	Linh	20/05/1995						
11	211110016	Đinh Hoàng Khánh	Linh	20/01/1998						
12	211109017	Phạm Phương	Linh	14/03/1999						
13	211110018	Nguyễn Thị Mai	Ly	07/11/1999						
14	211110020	Phan Thanh	Nhân	28/09/1997						
15	211109026	Nguyễn Thiên Sinh	Phúc	06/01/1998						
16	211109028	Ngô Minh	Phương	25/06/1995						
17	211109027	Trần	Phương	28/03/1990						
18	211110042	Doung	Sokhana	15/02/1997						
19	211110025	Thái Hồng	Son	10/05/1998						
20	211109032	Nguyễn Ngọc Vân	Thảo	20/09/1988						
21	211109033	Nguyễn Thị Phương	Thảo	04/02/1984						
22	211110026	Tô Trúc	Thảo	20/11/1994						
23	211109036	Phan Hồng	Thiên	25/05/1988						
24	211110027	Phạm Tiến	Thịnh	04/11/1996						
25	211109047	Dương Duy	Tùng	12/11/1998						
26	211109048	Nguyễn Cát	Tường	02/05/1999						
27	211109054	Võ Nguyễn Tường	Vy	01/12/1998						
28	211109056	Nguyễn Thị Mỹ	Xuyên	21/06/1997						
29	211110040	Hoàng Hải	Yến	17/11/1986						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1GLO60300201

Môn thi: **Quản trị kinh doanh toàn cầu**

Mã ca thi: **THI195640**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **11/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211110001	Nguyễn Tuấn	Anh	04/04/1994						
2	211109001	Trương Ngọc	Anh	29/04/1989						
3	211110002	Lê Phạm Quốc	Bảo	23/04/1992						
4	211109002	Lê Thị Minh	Châu	26/10/1986						
5	211109004	Ngô Thị Xuân	Châu	16/03/1996						
6	211109003	Thạch Thị Diễm	Châu	02/12/1988						
7	211109005	Trần Thị Kim	Chung	05/06/1991						
8	211110003	Đoàn Huỳnh	Chương	20/12/1994						
9	211110004	Đào Trần Kim	Công	06/01/1998						
10	211110007	Lê Thị Hạnh	Dung	30/04/1989						
11	211110009	Phạm Hồng	Duy	26/01/1997						
12	211110006	Phan Minh	Đức	23/03/1997						
13	211109007	Lê Vũ Hương	Giang	08/10/1998						
14	211109009	Lê Thị Ngọc	Hân	18/11/1997						
15	211110013	Trương Đỗ	Hoàng	08/02/1983						
16	192109011	Võ Thanh	Hồng	10/04/1991						
17	211109012	Chu Việt	Khoa	26/01/1986						
18	211109013	Phan Hương	Lan	05/06/1998						
19	211110017	Đoàn Thị Mỹ	Linh	03/12/1999						
20	211109015	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	29/06/1997						
21	211109016	Phùng Ngọc	Linh	23/11/1997						
22	211109018	Lê Thị Ái	Ly	20/11/1993						
23	211109019	Nguyễn Thị Hồng	Mai	12/10/1995						
24	211109021	Phan Nhựt	Minh	14/08/1998						
25	211109022	Trần Ngọc Phương	Minh	01/10/1996						
26	211109023	Nguyễn Thị Kim	Ngân	20/06/1995						
27	211110019	Đặng Thị Thảo	Nguyên	09/05/1991						
28	211109024	Nguyễn Thị Yến	Nhi	12/01/1999						
29	211110022	Lâm Mỹ	Phúc	08/07/1992						
30	211109025	Trần Hoàng	Phúc	14/12/1996						
31	211109029	Đinh Thị Bảo	Phương	12/05/1995						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	211109030	Vũ Ngọc Như	Quỳnh	12/08/1997						
33	211110024	Trần Hán	Sanh	21/01/1998						
34	211109034	Lê Phúc Thanh	Thảo	19/05/1996						
35	211109031	Phạm Thị	Thảo	19/09/1995						
36	211109035	Đặng Ngọc Mai	Thị	05/08/1999						
37	211109037	Lâm Khiết	Thịnh	10/09/1997						
38	211109038	Nguyễn Diệp	Thịnh	03/04/1981						
39	211109042	Trần Lê Chung	Thủy	13/12/1995						
40	211110028	Lê Thị Anh	Thư	10/01/1997						
41	211109039	Nguyễn Thị Minh	Thư	18/02/1999						
42	211109040	Phạm Thị Minh	Thư	27/12/1996						
43	211109041	Lê Thị	Thương	28/10/1997						
44	211110029	Nguyễn Thị Mai	Thương	01/04/1997						
45	211109044	Ninh Thị	Toàn	08/03/1994						
46	211109043	Trần Nguyễn Khánh	Toàn	23/05/1996						
47	211109046	Nguyễn Dương Thùy	Trang	08/05/1994						
48	211110034	Phạm Thị Minh	Trang	18/10/1990						
49	211110033	Nguyễn Thị Hoàng	Trâm	15/12/1991						
50	211109045	Trần Ngọc Bảo	Trân	23/08/1992						
51	211109050	Lý Thị Minh	Tuyền	22/01/1984						
52	211110036	Nguyễn Đoàn Thanh	Uyên	02/12/1996						
53	211110037	Nguyễn Lý Nhã	Uyên	25/05/1998						
54	211109051	Diệp Thảo	Vân	15/06/1996						
55	211109052	Lý Hưng	Vinh	29/05/1989						
56	211109053	Mai Xuân	Vũ	17/01/1997						
57	211110039	Cao Thị Kim	Yến	21/10/1992						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1RES60201402

Môn thi: **Phương pháp nghiên cứu khoa học**

Mã ca thi: **THI195641**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **15/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211107011	Đồng Thị Như	Anh	02/02/1980						
2	211107008	Nguyễn Vũ Phương	Anh	04/09/1994						
3	211107009	Phạm Đức	Anh	14/11/1997						
4	211107010	Trần Thị Vân	Anh	09/05/1988						
5	211107002	Cao Nhật	Ân	14/04/1997						
6	211107018	Võ Trọng	Bình	07/03/1993						
7	211107020	Nguyễn Bảo	Chân	13/06/1992						
8	211107024	Lê Quang	Công	10/01/1988						
9	211107028	Hồ Văn	Cường	01/01/1991						
10	211107036	Nguyễn Kim	Dung	23/04/1997						
11	211107040	Huỳnh Sơn	Dương	03/09/1993						
12	211107039	Trần Đại	Dương	03/04/1986						
13	211107052	Nguyễn Đăng	Hải	31/05/1988						
14	211107057	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	27/08/1989						
15	211107064	Bùi Đức	Hậu	05/11/1996						
16	211107066	Nguyễn Công	Hậu	13/07/1995						
17	211107077	Nguyễn Thanh	Hiếu	27/06/1981						
18	211107072	Lê Huỳnh Ngọc	Hiệp	20/01/1998						
19	211107081	Nguyễn Xuân	Hoàng	13/08/1988						
20	192107053	Hoàng Thị	Hòa	24/05/1993						
21	211107079	Trần Thị	Hòa	28/02/1991						
22	211107084	Nguyễn Văn	Huân	28/12/1987						
23	211107090	Huỳnh Công	Hưng	28/07/1991						
24	211107092	Phạm Thị Ngọc	Hường	23/03/1989						
25	211107103	Vũ Thị Kim	Khánh	30/10/1986						
26	211107105	Thạch Minh	Khôi	02/06/1994						
27	211107107	Nguyễn Thị Bảo	Kim	12/08/1990						
28	211107108	Lưu Quý	Kỳ	10/10/1989						
29	211107112	Nguyễn Hồng	Linh	19/09/1990						
30	211107115	Nguyễn Phước	Linh	06/05/1992						
31	211107119	Lê Nguyễn Hoàng	Luân	26/06/1984						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	211107128	Phan Xuân	Mai	04/04/1996						
33	211107133	Nguyễn Thị Diễm	My	15/11/1990						
34	211107142	Đào Thị Kim	Ngân	14/12/1989						
35	211107155	Nguyễn Minh	Nhật	07/04/1985						
36	211107156	Trần Thanh	Nhi	06/10/1997						
37	211107169	Trần Văn	Phổ	08/12/1989						
38	211107174	Trần Kim	Phụng	12/08/1993						
39	211107184	Huỳnh Thị Trúc	Phương	22/09/1992						
40	211107186	Nguyễn Văn	Phương	01/04/1978						
41	211107177	Nguyễn Trần Hồng	Phước	26/05/1993						
42	211107194	Trương Thị Lệ	Quyên	16/06/1989						
43	211107200	Dương Công Nhật	Tân	29/09/1996						
44	211107209	Nguyễn Thị Thùy	Thanh	26/05/1989						
45	211107210	Tô Lê Minh	Thanh	29/10/1986						
46	211107202	Tiêu Thành	Thái	05/07/1987						
47	211107221	Hoàng Thị	Thiện	17/03/1993						
48	211107226	Trần Văn	Thông	12/07/1980						
49	211107231	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	06/05/1997						
50	211107240	Nguyễn Trung	Tín	12/08/1993						
51	211107241	Lương Hồng	Toàn	20/10/1994						
52	211107248	Đôn Thụy Thùy	Trang	01/01/1991						
53	211107243	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	20/10/1997						
54	211107242	Trần Thị Thảo	Trâm	03/08/1978						
55	211107257	Phan Thanh	Trúc	29/07/1994						
56	211107268	Nguyễn Thanh	Tuất	06/08/1994						
57	211107269	Nguyễn Lê	Tùng	24/10/1994						
58	211107277	Nguyễn Ngọc	Vinh	31/07/1989						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1APP60700301

Môn thi: **Nghiên cứu ứng dụng trong kế toán**

Mã ca thi: **THI195644**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **21/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211114001	Nguyễn Thị	Biên	20/04/1985						
2	211114002	Phạm Ngọc Thiên	Chinh	18/08/1975						
3	211114005	Trần Thùy	Dung	11/05/1998						
4	211114007	Châu Minh	Dũng	06/05/1991						
5	211114009	Nguyễn Thị	Hằng	16/05/1985						
6	211114011	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	07/09/1985						
7	211114015	Lê Mạnh	Huy	31/08/1988						
8	211114016	Nguyễn Xuân	Huy	20/03/1979						
9	211114017	Lê Thị	Huyền	22/08/1989						
10	211114013	Lê Thị Thanh	Hương	10/02/1984						
11	211114014	Trần Thu	Hường	12/11/1990						
12	211114018	Nguyễn Kim Hồng	Khuyên	25/10/1988						
13	211114020	Lý Ngọc	Lài	17/07/1987						
14	211114023	Nguyễn Hồ Vương	Miên	19/10/1998						
15	211114025	Nguyễn Bắc Tiến	Nam	20/08/1984						
16	211114026	Phan Thị Phương	Nam	04/03/1997						
17	211114029	Lê Thị	Nga	1980						
18	211114027	Nguyễn Thị	Nga	20/07/1989						
19	211114030	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	03/03/1998						
20	211114031	Nguyễn Thị Bích	Ngân	02/11/1998						
21	211114032	Trần Đại	Nghĩa	16/04/1998						
22	211114033	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	25/10/1993						
23	211114034	Phan Thị Thu	Nguyên	10/10/1990						
24	211114035	Tô Thủy Mỹ	Nguyên	02/06/1998						
25	211114042	Phạm Ngọc Việt	Phương	04/06/1988						
26	211114038	Trương Thị Khánh	Phương	05/06/1998						
27	211114044	Phạm Thị Phương	Quỳnh	13/03/1996						
28	211114046	Võ Ngọc	Thanh	21/04/1988						
29	211114051	Hồ Phùng Diễm	Thúy	01/11/1987						
30	211114056	Lê Ngọc Thảo	Trang	30/04/1996						
31	211114055	Nguyễn Hương	Trang	02/08/1997						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	201114051	Trịnh Quỳnh	Trang	25/12/1995						
33	211114054	Quách Tú	Trân	01/12/1991						
34	211114053	Võ My Uyển	Trân	30/09/1996						
35	211114058	Bùi Lê Quốc	Trung	06/03/1983						
36	211114057	Nguyễn Châu Thủy	Trúc	28/01/1998						
37	211114060	Nguyễn Võ Như	Uyên	03/12/1991						
38	211114061	Phạm Thị	Việt	27/02/1988						
39	211114064	Phạm Thị Quỳnh	Vy	28/01/1998						
40	211114066	Đàm Thanh	Xuân	04/02/1993						
41	211114067	Dương Nguyễn Kim	Yến	26/11/1991						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1LAW50301

Môn thi: **Phương pháp nghiên cứu luật học**

Mã ca thi: **THI195645**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **21/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211120002	Phạm Hùng	Anh	01/05/1996						
2	211120001	Trần Ngọc	Ẩn	21/05/1967						
3	211120004	Trần Thị Thanh	Bích	26/12/1988						
4	211120005	Đặng Thị Kim	Cúc	15/05/1987						
5	211120010	Trần Việt	Dũng	25/08/1989						
6	211120006	Hứa Hồng	Đào	25/12/1988						
7	211120007	Nguyễn Ngọc Phương	Đình	05/08/1996						
8	211120009	Đoàn Đình	Đức	10/05/1988						
9	211120014	Hoàng	Hà	19/08/1988						
10	211120013	Nguyễn Thị Thu	Hà	24/08/1995						
11	211120015	Võ Thị Ngọc	Hân	16/01/1989						
12	211120017	Trần Nguyễn Thảo	Hiền	17/10/1998						
13	211120019	Nguyễn Thị Ngọc	Hiếu	10/07/1992						
14	211120020	Nguyễn Trần Minh	Hoa	25/04/1998						
15	211120021	Phạm Đăng	Hoàng	15/03/1995						
16	211120022	Phạm Thị Minh	Huệ	16/06/1988						
17	211120026	Lê Nguyễn Nhật	Huy	03/09/1995						
18	211120027	Phạm Thanh	Huy	14/06/1995						
19	211120023	Trần La Ngọc	Hùng	15/08/1975						
20	NCS2021013	Tian	Jian	18/03/1969						Nợ HP
21	211120030	Tường Xuân	Khoa	09/04/1999						
22	211120038	Nguyễn Thành	Nam	28/11/1990						
23	211120041	Trần Quỳnh	Như	26/06/1998						
24	211120044	Nguyễn Thị Ngọc	Phương	01/07/1981						
25	211120045	Trần Thị Minh	Phượng	27/08/1978						
26	211120049	Nguyễn Thị Kim	Thanh	06/11/1995						
27	211120051	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	07/02/1995						
28	211120048	Trần Quốc	Thái	20/01/1995						
29	211120054	Đặng Thị Phương	Thúy	25/01/1992						
30	211120055	Nguyễn Thị Cẩm	Thúy	10/08/1980						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
31	211120059	Phan Trịnh Minh	Tiên	03/10/1992						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1PHI61000412

Môn thi: **Triết học**

Mã ca thi: **THI195646**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **22/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211107004	Nguyễn Minh Quốc	Anh	13/04/1997						
2	211107009	Phạm Đức	Anh	14/11/1997						
3	211107016	Phạm Trần Xuân	Bảo	22/06/1993						
4	211103002	Giang Thị Ngọc	Châu	16/03/1995						
5	211110041	Lim	Chhivith	16/03/1995						
6	211110005	Nguyễn Huỳnh Trường	Duân	16/02/1994						
7	211112010	Nguyễn Lê Kỳ	Duyên	12/02/1995						
8	211109008	Lê Thanh	Hà	08/11/1993						
9	211114009	Nguyễn Thị	Hằng	16/05/1985						
10	211114011	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	07/09/1985						
11	211112014	Hoàng Lương	Hiếu	30/10/1991						
12	211107075	Phan Hoàng	Hiếu	20/02/1998						
13	211112013	Cao Hoàng	Hiệp	01/06/1996						
14	211112015	Trịnh Ngọc Thúy	Hoa	27/04/1993						
15	211107098	Nguyễn Thanh	Huyền	15/11/1989						
16	211107091	Huỳnh Lê	Hung	08/03/1989						
17	211107103	Vũ Thị Kim	Khánh	30/10/1986						
18	211113003	Phạm Xuân	Kiểm	28/09/1992						
19	211107108	Lưu Quý	Kỳ	10/10/1989						
20	211110016	Đinh Hoàng Khánh	Linh	20/01/1998						
21	211110018	Nguyễn Thị Mai	Ly	07/11/1999						
22	211114023	Nguyễn Hồ Vương	Miên	19/10/1998						
23	211107144	Đinh Thị Hồng	Ngân	15/12/1994						
24	211107147	Nguyễn Bùi Hữu	Nghĩa	26/09/1990						
25	211114033	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	25/10/1993						
26	211107155	Nguyễn Minh	Nhật	07/04/1985						
27	211111085	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	06/06/1997						
28	211111086	Lê Thị Cẩm	Nhung	01/09/1992						
29	211109026	Nguyễn Thiên Sinh	Phúc	06/01/1998						
30	211109027	Trần	Phương	28/03/1990						
31	192114049	Hồ Thị Diễm	Phượng	18/06/1995						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	192109033	Trần Quang	Sang	08/12/1994						
33	211110042	Doung	Sokhana	15/02/1997						
34	211109033	Nguyễn Thị Phương	Thảo	04/02/1984						
35	211110026	Tô Trúc	Thảo	20/11/1994						
36	211112040	Nguyễn Mạnh	Thắng	10/09/1994						
37	211110027	Phạm Tiến	Thịnh	04/11/1996						
38	211114053	Võ My Uyên	Trân	30/09/1996						
39	211107256	Ngô Mai	Trình	24/06/1997						
40	211111150	Phạm Thị	Vân	19/06/1998						
41	211114061	Phạm Thị	Việt	27/02/1988						
42	211114063	Hoàng Đình	Vũ	24/09/1993						
43	211114064	Phạm Thị Quỳnh	Vy	28/01/1998						
44	211114066	Đàm Thanh	Xuân	04/02/1993						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1PHI61000416

Môn thi: **Triết học**

Mã ca thi: **THI195647**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **22/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211112003	Huỳnh Vân	Anh	09/03/1995						
2	211112008	Nguyễn Thị Thùy	Dung	04/01/1990						
3	211111025	Nguyễn Anh	Duy	15/11/1997						
4	211112011	Nguyễn Ngọc	Duyên	24/09/1997						
5	211120006	Hứa Hồng	Đào	25/12/1988						
6	211111030	Vũ Thị	Giao	06/02/1993						
7	211120019	Nguyễn Thị Ngọc	Hiếu	10/07/1992						
8	211120022	Phạm Thị Minh	Huệ	16/06/1988						
9	211111048	Nguyễn Thị Thanh	Hương	05/05/1997						
10	211118007	Nguyễn Huy	Khoa	16/11/1996						
11	211107109	Nguyễn Đại	Lâm	13/10/1998						
12	211109016	Phùng Ngọc	Linh	23/11/1997						
13	211112022	Trần Anh	Linh	25/05/1998						
14	211112024	Nguyễn Trần	Long	21/01/1989						
15	211112025	Hoàng Thị	Mai	18/01/1992						
16	211120038	Nguyễn Thành	Nam	28/11/1990						
17	211111075	Lâm Tố	Nga	28/04/1998						
18	211110019	Đặng Thị Thảo	Nguyên	09/05/1991						
19	211112030	Nguyễn Thị Minh	Nhã	24/10/1986						
20	211112032	Ngô Thị Thùy	Ni	21/07/1986						
21	211113007	Cáy Vĩnh	Phát	26/11/1991						
22	211111104	Nguyễn Hữu Nam	Sơn	18/03/1998						
23	211112035	Võ Hoàng	Sơn	09/07/1989						
24	211112037	Ngô Thị Thanh	Tâm	02/01/1988						
25	211120049	Nguyễn Thị Kim	Thanh	06/11/1995						
26	211112041	Huỳnh Thu	Thảo	15/05/1994						
27	211107217	La Hồng Phương	Thảo	17/01/1998						
28	211120048	Trần Quốc	Thái	20/01/1995						
29	211111125	Nguyễn Hữu	Thuận	02/11/1991						
30	211112044	Phạm Nguyễn Phương	Thùy	07/05/1994						
31	211111123	Nguyễn Minh	Thư	02/04/1991						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	211111122	Trần Thị Anh	Thư	10/03/1998						
33	211109044	Ninh Thị	Toàn	08/03/1994						
34	211109047	Dương Duy	Tùng	12/11/1998						
35	211112052	Vòng Mỹ	Vân	17/03/1995						
36	211107274	Ngô Thị Hồng	Vẹn	15/03/1993						
37	211112054	Nguyễn Thùy	Vương	05/11/1983						
38	211112055	Võ Thị	Xem	25/12/1990						
39	211112057	Phạm Hồng Phi	Yến	30/10/1993						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1PHI61000410

Môn thi: **Triết học**
Thời gian thi:
Ngày thi: **22/10/2021**

Mã ca thi: **THI195648**
Giờ thi:
Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211111156	Lê Nguyễn Phước	An	24/09/1987						Nợ HP
2	211111158	Đỗ Vũ Tuấn	Anh	18/09/1981						Nợ HP
3	211111157	Lê Thị Kim	Anh	05/06/1983						Nợ HP
4	211111159	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	02/09/1982						Nợ HP
5	211111162	Nguyễn Thị Hoàng	Dung	25/01/1981						Nợ HP
6	211111163	Phạm Thị Thùy	Dương	01/07/1985						Nợ HP
7	211111160	Văn Minh	Điền	18/12/1983						Nợ HP
8	211111161	Phạm Trần Minh	Đông	13/03/1991						
9	211111164	Trần Xuân	Hoàng	30/06/1992						Nợ HP
10	211111165	Đoàn Duy	Khuong	30/05/1979						Nợ HP
11	211111166	Trịnh Thị Tuyết	Lan	14/11/1983						
12	211111167	Nguyễn Thị Kim	Liên	09/12/1980						Nợ HP
13	211111168	Đặng Quang	Minh	24/09/1987						Nợ HP
14	211111169	Lê Hoàng	Nam	17/09/1986						Nợ HP
15	211111170	Lương Thị Hằng	Nga	29/08/1988						Nợ HP
16	211111172	Nguyễn Lê Ngọc Trâm	Ngân	13/08/1989						Nợ HP
17	211111171	Nguyễn Phương	Ngân	09/10/1989						Nợ HP
18	211111173	Trần Thị Ngọc	Phương	12/10/1989						Nợ HP
19	211111174	Đồng Phúc	Thiện	18/10/1991						Nợ HP
20	211111175	Trần Thị Thanh	Thủy	11/11/1986						Nợ HP

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
21	211111176	Đỗ Huyền Kim	Thy	05/12/1985						Nợ HP
22	211111177	Phạm Thị Bích	Tiền	06/06/1986						Nợ HP
23	211111179	Lê Thụy Thùy	Trang	26/03/1981						Nợ HP
24	211111178	Nguyễn Quốc	Trầm	14/10/1981						Nợ HP
25	211111180	Phạm Thị Ngọc	Trình	06/02/1991						Nợ HP
26	211111181	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	02/08/1985						Nợ HP
27	211111182	Nguyễn Trịnh Kim	Yến	16/09/1983						Nợ HP

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trường (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1PHI61000413

Môn thi: **Triết học**

Mã ca thi: **THI195649**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **24/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211111004	Lê Tuấn	Anh	28/04/1995						
2	211109001	Trương Ngọc	Anh	29/04/1989						
3	211111007	Hoàng Quốc	Bảo	28/11/1992						
4	211110002	Lê Phạm Quốc	Bảo	23/04/1992						
5	211111011	Lê Hiếu Trung	Chánh	16/01/1996						
6	211114002	Phạm Ngọc Thiên	Chinh	18/08/1975						
7	211110004	Đào Trần Kim	Công	06/01/1998						
8	211114005	Trần Thùy	Dung	11/05/1998						
9	211109007	Lê Vũ Hương	Giang	08/10/1998						
10	211111032	Phan Lưu Song	Hà	12/11/1998						
11	211110011	Nguyễn Thị Hiếu	Hạnh	07/03/1976						
12	211111037	Võ Thị Tuyết	Hạnh	13/04/1998						
13	202111036	Bùi Trung	Hiếu	31/07/1997						
14	211111050	Lê Vương Quốc Thúy	Huyền	27/02/1982						
15	211111047	Phan Lan	Hương	22/06/1994						
16	211114014	Trần Thu	Hường	12/11/1990						
17	211111057	Diệp Thị Đăng	Khoa	29/06/1996						
18	211111058	Nguyễn Tấn	Khương	02/10/1989						
19	211111059	Phạm Phương	Lâm	12/04/1993						
20	211111062	Đinh Hoàng Bảo	Linh	20/10/1997						
21	211111063	Lê Nhật	Linh	31/01/1997						
22	211111068	Phạm Thị	Mai	25/11/1997						
23	211111073	Nguyễn Hải	Nam	02/08/1983						
24	211111074	Nguyễn Thị Hồng	Nga	04/08/1996						
25	211109023	Nguyễn Thị Kim	Ngân	20/06/1995						
26	211111077	Lê Tuấn	Nghĩa	18/02/1996						
27	211114032	Trần Đại	Nghĩa	16/04/1998						
28	211111081	Lưu Ngọc Kim	Nguyên	07/02/1996						
29	211111084	Nguyễn Hữu	Nhân	24/10/1996						
30	211111090	Nguyễn Ngọc	On	19/09/1994						
31	211111091	Trần Thanh	Phong	08/09/1995						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	211114044	Phạm Thị Phương	Quỳnh	13/03/1996						
33	211111101	Trương Nguyễn Như	Quỳnh	16/01/1999						
34	211111099	Nguyễn Khâm	Quý	13/02/1994						
35	211110024	Trần Hán	Sanh	21/01/1998						
36	211114045	Lê Hoàng	Son	24/08/1998						
37	211111105	Ngô Xuân	Son	11/01/1973						
38	211111107	Bùi Thị	Tâm	03/03/1994						
39	211111109	Trương Thị	Tân	10/06/1994						
40	211109038	Nguyễn Diệp	Thịnh	03/04/1981						
41	211111120	Nguyễn Thị Quỳnh	Thơ	24/10/1993						
42	211120055	Nguyễn Thị Cẩm	Thúy	10/08/1980						
43	211109039	Nguyễn Thị Minh	Thư	18/02/1999						
44	211111127	Nguyễn Thị Lan	Thương	05/02/1989						
45	211110029	Nguyễn Thị Mai	Thương	01/04/1997						
46	211109043	Trần Nguyễn Khánh	Toàn	23/05/1996						
47	211111133	Nguyễn Trung	Toán	10/07/1996						
48	211111142	Phan Thị Quỳnh	Trang	18/10/1992						
49	211110033	Nguyễn Thị Hoàng	Trâm	15/12/1991						
50	211111136	Trần Thị Thanh	Trâm	20/01/1994						
51	211109050	Lý Thị Minh	Tuyền	22/01/1984						
52	211111149	Lê Hồng Phương	Tuyết	11/08/1990						
53	211107264	Nguyễn Mai Thanh	Tú	16/12/1988						
54	211110036	Nguyễn Đoàn Thanh	Uyên	02/12/1996						
55	211109051	Diệp Thảo	Vân	15/06/1996						
56	211111152	Trần Lê	Vi	28/09/1997						
57	211109053	Mai Xuân	Vũ	17/01/1997						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1PHI61000419

Môn thi: **Triết học**

Mã ca thi: **THI195650**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **24/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211111006	Trần Lê Thiên	Bảo	28/09/1989						
2	211114001	Nguyễn Thị	Biên	20/04/1985						
3	211110003	Đoàn Huỳnh	Chương	20/12/1994						
4	211114003	Đặng Thị Thu	Diệu	12/07/1996						
5	211111024	Lê Nhất Phương	Duy	21/11/1992						
6	211114007	Châu Minh	Dũng	06/05/1991						
7	211111036	Đoàn Kim	Hận	02/01/1995						
8	211111040	Dương Thị Thu	Hiền	05/10/1990						
9	211111044	Kiều Ngọc	Hoa	15/01/1984						
10	211114015	Lê Mạnh	Huy	31/08/1988						
11	211114016	Nguyễn Xuân	Huy	20/03/1979						
12	211111051	Trần Thị Thanh	Huyền	01/10/1997						
13	211114013	Lê Thị Thanh	Hương	10/02/1984						
14	211114018	Nguyễn Kim Hồng	Khuyên	25/10/1988						
15	211114020	Lý Ngọc	Lài	17/07/1987						
16	211114025	Nguyễn Bắc Tiến	Nam	20/08/1984						
17	211114029	Lê Thị	Nga	1980						
18	211114027	Nguyễn Thị	Nga	20/07/1989						
19	211114030	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	03/03/1998						
20	211114031	Nguyễn Thị Bích	Ngân	02/11/1998						
21	211114034	Phan Thị Thu	Nguyên	10/10/1990						
22	211110022	Lâm Mỹ	Phúc	08/07/1992						
23	211114042	Phạm Ngọc Việt	Phương	04/06/1988						
24	211114038	Trương Thị Khánh	Phương	05/06/1998						
25	211111095	Hoàng Thị	Phượng	26/05/1998						
26	211111112	Thái Thị Ngọc	Thắm	14/11/1997						
27	211109037	Lâm Khiết	Thịnh	10/09/1997						
28	211111132	Huỳnh Tiến	Tín	09/12/1983						
29	211111139	Đoàn Nguyễn Việt	Trang	16/12/1991						
30	211114056	Lê Ngọc Thảo	Trang	30/04/1996						
31	211114055	Nguyễn Hương	Trang	02/08/1997						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	211114054	Quách Tú	Trân	01/12/1991						
33	211114058	Bùi Lê Quốc	Trung	06/03/1983						
34	211114057	Nguyễn Châu Thủy	Trúc	28/01/1998						
35	211110035	Trần Thanh	Trúc	29/09/1979						
36	211111148	Nguyễn Tiến	Tùng	20/11/1991						
37	211114060	Nguyễn Võ Như	Uyên	03/12/1991						
38	211110038	Nguyễn Thế	Vinh	30/04/1981						
39	211109054	Võ Nguyễn Tường	Vy	01/12/1998						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1LAW51001

Môn thi: **Luật và phát triển**

Mã ca thi: **THI195651**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **25/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211120002	Phạm Hùng	Anh	01/05/1996						
2	211120001	Trần Ngọc	Ẩn	21/05/1967						
3	211120004	Trần Thị Thanh	Bích	26/12/1988						
4	211120005	Đặng Thị Kim	Cúc	15/05/1987						
5	211120010	Trần Việt	Dũng	25/08/1989						
6	211120006	Hứa Hồng	Đào	25/12/1988						
7	211120007	Nguyễn Ngọc Phương	Đình	05/08/1996						
8	211120009	Đoàn Đình	Đức	10/05/1988						
9	211120014	Hoàng	Hà	19/08/1988						
10	211120013	Nguyễn Thị Thu	Hà	24/08/1995						
11	211120015	Võ Thị Ngọc	Hân	16/01/1989						
12	211120017	Trần Nguyễn Thảo	Hiền	17/10/1998						
13	211120019	Nguyễn Thị Ngọc	Hiếu	10/07/1992						
14	211120021	Phạm Đăng	Hoàng	15/03/1995						
15	211120022	Phạm Thị Minh	Huệ	16/06/1988						
16	211120026	Lê Nguyễn Nhật	Huy	03/09/1995						
17	211120027	Phạm Thanh	Huy	14/06/1995						
18	211120023	Trần La Ngọc	Hùng	15/08/1975						
19	NCS2021013	Tian	Jian	18/03/1969						Nợ HP
20	211120030	Tường Xuân	Khoa	09/04/1999						
21	211120038	Nguyễn Thành	Nam	28/11/1990						
22	211120041	Trần Quỳnh	Như	26/06/1998						
23	211120044	Nguyễn Thị Ngọc	Phương	01/07/1981						
24	211120045	Trần Thị Minh	Phượng	27/08/1978						
25	211120049	Nguyễn Thị Kim	Thanh	06/11/1995						
26	211120050	Trần Trung	Thành	02/07/1986						
27	211120051	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	07/02/1995						
28	211120048	Trần Quốc	Thái	20/01/1995						
29	211120054	Đặng Thị Phương	Thúy	25/01/1992						
30	211120055	Nguyễn Thị Cẩm	Thúy	10/08/1980						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
31	211120059	Phan Trịnh Minh	Tiên	03/10/1992						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1PHI61000424

Môn thi: **Triết học**

Mã ca thi: **THI195652**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **26/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211112001	Đinh Phạm Hồng	Anh	13/09/1998						
2	211112002	Nguyễn Ngọc	Anh	19/07/1987						
3	211103001	Phan Vũ	Anh	17/07/1985						
4	211107002	Cao Nhật	Ân	14/04/1997						
5	211109003	Thạch Thị Diễm	Châu	02/12/1988						
6	211118003	Nguyễn Trung	Duy	11/10/1995						
7	211110009	Phạm Hồng	Duy	26/01/1997						
8	211107039	Trần Đại	Dương	03/04/1986						
9	211103004	Trần Thị Hương	Giang	10/10/1995						
10	211107060	Trần Thị Hồng	Hạnh	30/03/1997						
11	211107064	Bùi Đức	Hậu	05/11/1996						
12	211107065	Tô Lâm	Hậu	03/08/1998						
13	211103005	Nguyễn Trung	Hiếu	24/06/1986						
14	211112016	Võ Hữu Huy	Hoàng	18/01/1998						
15	211113001	Nguyễn Thị Kim	Hồng	11/10/1990						
16	211109011	Nguyễn Phước	Hưng	04/01/1999						
17	211109013	Phan Hương	Lan	05/06/1998						
18	211118008	Nguyễn Thị Hoàng	Liên	16/06/1994						
19	211103009	Lê Thùy	Linh	17/09/1994						
20	211109015	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	29/06/1997						
21	211113004	Vũ Phước	Linh	16/11/1992						
22	211107122	Nguyễn Trúc	Ly	29/04/1995						
23	211118010	Quan Toại	Mẫn	11/10/1994						
24	211112027	Dương Văn	Minh	18/12/1979						
25	211113006	Nguyễn La Diễm	Nhi	21/07/1992						
26	211109024	Nguyễn Thị Yến	Nhi	12/01/1999						
27	211103012	Huỳnh Lê Lưu	Phú	19/01/1990						
28	211107173	Ngô Thị Kim	Phụng	16/07/1996						
29	211112033	Nguyễn Thanh	Phương	22/04/1994						
30	211107178	Lê Trọng	Phước	19/05/1989						
31	211110025	Thái Hồng	Son	10/05/1998						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	211112038	Nguyễn Ngọc	Tâm	17/09/1992						
33	211118012	Nguyễn Thanh	Tâm	31/08/1991						
34	211109034	Lê Phúc Thanh	Thảo	19/05/1996						
35	211107213	Lê Thị Thanh	Thảo	10/08/1996						
36	201107107	Phạm Thị Thu	Thảo	09/03/1996						
37	211107232	Nguyễn Thị Minh	Thuận	15/03/1985						
38	211107236	Trần Bích	Thủy	15/08/1978						
39	211112043	Dương Nguyễn Minh	Thư	28/08/1999						
40	211118015	Lê Ngọc	Toàn	02/11/1994						
41	211103017	Nguyễn Thị Huyền	Trang	17/05/1992						
42	211111138	Nguyễn Thị Thanh	Trang	15/05/1995						
43	211110034	Phạm Thị Minh	Trang	18/10/1990						
44	211112046	Võ Đức	Trí	27/03/1996						
45	211112049	Nguyễn Chí	Trung	19/09/1978						
46	211112048	Lữ Thị Thanh	Trúc	28/08/1976						
47	211110037	Nguyễn Lý Nhã	Uyên	25/05/1998						
48	211103020	Bùi Quốc	Việt	15/07/1987						
49	211118016	Trịnh Hoàng	Việt	10/10/1991						
50	211118017	Trần Hoàn	Vũ	30/07/1984						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1PHI61000415

Môn thi: **Triết học**

Mã ca thi: **THI195653**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **26/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211111008	Nguyễn Thanh	Bình	10/11/1984						
2	211111009	Nguyễn Yên	Bình	03/05/1992						
3	211111010	Nguyễn Thị Mai	Ca	10/08/1995						
4	211111014	Lê Thị Minh	Châu	15/11/1993						
5	211111012	Phạm Trần	Châu	14/09/1998						
6	211111017	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	30/09/1996						
7	211110007	Lê Thị Hạnh	Dung	30/04/1989						
8	211111026	Huỳnh Anh	Duy	31/07/1992						
9	211110008	Nguyễn Huỳnh Thùy	Dương	29/08/1984						
10	211111022	Phạm Thị Thùy	Dương	23/08/1991						
11	211111020	Nguyễn Phương	Đông	13/11/1992						
12	211111034	Nguyễn Thanh	Hải	16/06/1990						
13	211111038	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	23/10/1996						
14	211111042	Nguyễn Trung	Hiếu	15/09/1990						
15	211107084	Nguyễn Văn	Huân	28/12/1987						
16	211111053	Đặng Nguyễn Như	Huỳnh	15/10/1993						
17	211111052	Nguyễn Huy	Huỳnh	01/02/1989						
18	211107107	Nguyễn Thị Bảo	Kim	12/08/1990						
19	211111060	Phạm Thị Nhật	Lê	07/06/1994						
20	211111065	Kim Thanh	Long	09/04/1994						
21	211111066	Nguyễn Trí	Luật	14/11/1997						
22	211116002	Trần Thị Khánh	Ngà	02/09/1990						
23	211111082	Lê Nguyễn Đăng	Nguyên	20/10/1998						
24	211111083	Nguyễn Hữu	Nhân	06/05/1991						
25	211107160	Huỳnh Thị Phương	Nhi	20/12/1987						
26	211116006	Vannaseng	Nittapho ne	07/05/1979						Nợ HP
27	211107169	Trần Văn	Phổ	08/12/1989						
28	211111094	Trần Thị Kim	Phương	08/01/1987						
29	211111092	Nguyễn Thị Hồng	Phước	26/09/1998						
30	211111100	Phạm Bá	Quyền	13/10/1989						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
31	211111184	Yorn	Rortana	06/11/1992						Nợ HP
32	211116007	Saiyasone	Saiyavong	13/02/1993						Nợ HP
33	211111183	Trương Kim	Sang	08/11/1992						
34	211111103	Đặng Hoàng	Son	29/07/1998						
35	211111106	Nguyễn Minh	Tâm	07/02/1992						
36	211111114	Nguyễn Tâm	Thanh	13/10/1994						
37	211111118	Nguyễn Hạ	Thảo	02/10/1994						
38	211111110	Nguyễn Công	Thái	25/06/1975						
39	211111128	Cao Thị Phương	Thúy	10/05/1989						
40	211111141	Nguyễn Thị Doan	Trang	04/05/1990						
41	211111140	Nguyễn Thị Kiều	Trang	06/09/1996						
42	211111145	Lê Công Quốc	Tuấn	19/06/1995						
43	211111147	Đỗ Thanh	Tùng	11/06/1997						
44	211111144	Nguyễn Minh	Tú	10/01/1994						
45	211111151	Tạ	Văn	04/01/1990						
46	211111153	Nguyễn Thị Yến	Vương	16/10/1989						
47	211107283	Nguyễn Thị Thanh	Vy	22/06/1987						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1PHI61000411

Môn thi: **Triết học**

Mã ca thi: **THI195654**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **26/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211107021	Ngô Minh	Châu	07/11/1988						
2	211118002	Nguyễn Anh Quốc	Đạt	08/09/1993						
3	211120016	Chung Gia	Hảo	09/10/1990						
4	211109009	Lê Thị Ngọc	Hân	18/11/1997						
5	211107085	Lê Doãn	Huân	20/01/1993						
6	211114012	Bùi Minh	Huệ	17/07/1993						
7	211113002	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	10/10/1987						
8	211107111	Đỗ Thị Thùy	Linh	19/10/1995						
9	211107115	Nguyễn Phước	Linh	06/05/1992						
10	211109018	Lê Thị Ái	Ly	20/11/1993						
11	211109019	Nguyễn Thị Hồng	Mai	12/10/1995						
12	211109021	Phan Nhựt	Minh	14/08/1998						
13	211112026	Trần Công	Minh	15/06/1990						
14	211120037	Hồ Nguyễn Thành	Nam	10/01/1983						
15	211114028	Phạm Thị	Nga	10/03/1983						
16	211103011	Trần Hồng Bảo	Ngọc	16/12/1991						
17	211111080	Hoàng Minh	Nguyên	01/07/1996						
18	211112031	Võ Minh	Nhã	01/10/1989						
19	211107168	Huỳnh Tường	Phát	07/02/1985						
20	211109025	Trần Hoàng	Phúc	14/12/1996						
21	211109029	Đinh Thị Bảo	Phương	12/05/1995						
22	211113008	Nguyễn Lê	Phương	09/10/1995						
23	211107182	Nguyễn Thị Nhất	Phương	18/06/1990						
24	211114041	Trần Khánh	Phương	06/02/1989						
25	211114039	Trương Thị	Phương	10/03/1989						
26	211109030	Vũ Ngọc Như	Quỳnh	12/08/1997						
27	211109031	Phạm Thị	Thảo	19/09/1995						
28	211109035	Đặng Ngọc Mai	Thi	05/08/1999						
29	211103015	Phan Thị	Thơm	09/01/1989						
30	211114052	Nguyễn Thu	Thủy	09/12/1990						
31	211109042	Trần Lê Chung	Thủy	13/12/1995						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	211114051	Hồ Phùng Diễm	Thúy	01/11/1987						
33	211109040	Phạm Thị Minh	Thư	27/12/1996						
34	211109041	Lê Thị	Thương	28/10/1997						
35	211120058	Nguyễn Thùy	Tiên	30/10/1998						
36	211109045	Trần Ngọc Bảo	Trân	23/08/1992						
37	211112050	Vũ Xuân	Trung	27/08/1994						
38	211107260	Vũ Nhật	Trường	22/11/1992						
39	211110039	Cao Thị Kim	Yến	21/10/1992						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1PHI61000420

Môn thi: **Triết học**
Thời gian thi:
Ngày thi: **26/10/2021**

Mã ca thi: **THI195655**
Giờ thi:
Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211114004	Trần Kim	Diệu	08/04/1987						
2	211114010	Nguyễn Thị	Hiền	19/11/1981						
3	211111039	Trà Thị Thu	Hiền	05/08/1997						
4	211110014	Nguyễn Công	Hoàng	19/05/1994						
5	201111024	Trần Thanh	Hoàng	03/09/1997						
6	211114022	Lê Thị Kim	Luyến	12/10/1985						
7	211114024	Nguyễn Thị Ánh	Minh	15/07/1995						
8	201111058	Nguyễn Phạm Viết	Nhã	12/09/1982						
9	211114040	Lâm Thị Hồng	Phương	22/03/1981						
10	211114036	Lê Hoàng Minh	Phương	29/02/1996						
11	211114037	Lê Hoàng Nguyên	Phương	29/02/1996						
12	211114043	Đặng Vinh	Quang	07/03/1988						
13	211109036	Phan Hồng	Thiên	25/05/1988						
14	211114048	Phan Thị	Thìn	12/07/1988						
15	211114059	Nguyễn Thị Kim	Ứng	01/12/1998						
16	211114062	Đặng Thị	Vóc	16/04/1984						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1MON60601201

Môn thi: **Chính sách tiền tệ**

Mã ca thi: **THI195656**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **29/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211112003	Huỳnh Vân	Anh	09/03/1995						
2	211112004	Nguyễn Huỳnh Minh	Anh	27/11/1999						
3	211112008	Nguyễn Thị Thùy	Dung	04/01/1990						
4	211112009	Dương	Duy	20/03/1997						
5	211112010	Nguyễn Lê Kỳ	Duyên	12/02/1995						
6	211112011	Nguyễn Ngọc	Duyên	24/09/1997						
7	201112013	Võ Trần Thu	Hiền	17/12/1995						
8	211112014	Hoàng Lương	Hiếu	30/10/1991						
9	211112013	Cao Hoàng	Hiệp	01/06/1996						
10	211112015	Trịnh Ngọc Thúy	Hoa	27/04/1993						
11	211112017	Huỳnh Huy	Hoàng	30/06/1993						
12	211112016	Võ Hữu Huy	Hoàng	18/01/1998						
13	211112022	Trần Anh	Linh	25/05/1998						
14	211112024	Nguyễn Trần	Long	21/01/1989						
15	211112023	Nguyễn Thị Mỹ	Lộc	24/01/1994						
16	211112025	Hoàng Thị	Mai	18/01/1992						
17	211112028	Nguyễn Thị Linh	Nghi	12/12/1989						
18	211112030	Nguyễn Thị Minh	Nhã	24/10/1986						
19	211112032	Ngô Thị Thùy	Ni	21/07/1986						
20	211112034	Đặng Thị Hồng	Quyên	14/06/1987						
21	211112035	Võ Hoàng	Son	09/07/1989						
22	211112037	Ngô Thị Thanh	Tâm	02/01/1988						
23	211112041	Huỳnh Thu	Thảo	15/05/1994						
24	211112040	Nguyễn Mạnh	Thắng	10/09/1994						
25	211112044	Phạm Nguyễn Phương	Thùy	07/05/1994						
26	201112044	Đặng Thị	Thúy	20/02/1997						
27	211112047	Dương Thị Tú	Trinh	22/06/1989						
28	211112045	Dương Minh	Trí	06/01/1996						
29	211112051	Phan Nguyễn Giao	Uyên	18/03/1988						
30	211112054	Nguyễn Thùy	Vương	05/11/1983						
31	211112055	Võ Thị	Xem	25/12/1990						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	211112056	Trần Thị Mỹ	Xuyên	15/05/1979						
33	211112057	Phạm Hồng Phi	Yến	30/10/1993						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1RES60201403

Môn thi: **Phương pháp nghiên cứu khoa học**

Mã ca thi: **THI195657**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **30/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211107006	Nguyễn Hoàng	Anh	28/01/1990						
2	211107004	Nguyễn Minh Quốc	Anh	13/04/1997						
3	211107007	Nguyễn Vũ Mỹ	Anh	01/04/1996						
4	211107012	Lê Thị Ngọc	Ánh	13/07/1994						
5	211107017	Hứa Chấn	Bảo	01/09/1994						
6	211107015	Phan Trọng	Bách	14/01/1992						
7	211107014	Nguyễn Việt	Bắc	30/12/1998						
8	211107027	Nguyễn Duy	Cường	09/07/1998						
9	211107037	Nguyễn Đỗ Xuân	Dung	25/01/1987						
10	211107035	Trần Thị	Dung	16/12/1995						
11	211107043	Trần Võ Khắc	Duy	30/12/1995						
12	211107038	Trần Anh	Dũng	23/06/1998						
13	211107041	Lê Thị Thùy	Dương	26/01/1997						
14	211107045	Nguyễn Ngọc Tú	Em	28/02/1992						
15	211107060	Trần Thị Hồng	Hạnh	30/03/1997						
16	211107058	Võ Hiếu	Hạnh	30/09/1997						
17	211107065	Tô Lâm	Hậu	03/08/1998						
18	211107070	Huỳnh Thị	Hiền	15/07/1983						
19	211107101	Nguyễn Thị Như	Huyền	10/01/1998						
20	211107089	Tô Trịnh Bảo	Hung	15/09/1989						
21	211107094	Phạm Trọng	Hữu	25/01/1990						
22	211107114	Lê Hoàng Ly	Linh	16/02/1992						
23	211107117	Huỳnh Trọng	Lợi	20/06/1987						
24	211107126	Hồ Nguyễn Xuân	Mai	08/06/1995						
25	211107134	Nguyễn Huy Khánh	Nam	28/09/1992						
26	211107136	Quách Khánh	Nam	08/09/1996						
27	211107137	Lê Nguyễn Thu	Nga	16/09/1994						
28	211107144	Đinh Thị Hồng	Ngân	15/12/1994						
29	211107139	Lê Thị Kim	Ngân	13/04/1997						
30	211107147	Nguyễn Bùi Hữu	Nghĩa	26/09/1990						
31	211107148	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	05/11/1998						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	211107151	Nguyễn Trần Bá	Ngữ	03/11/1998						
33	211107164	Vũ Thị Hồng	Nhung	11/04/1987						
34	211107163	Lê Huỳnh	Như	26/07/1995						
35	211107180	Dương Thị Minh	Phương	22/11/1986						
36	211107181	Nguyễn Thị Trúc	Phương	25/11/1991						
37	211107178	Lê Trọng	Phước	19/05/1989						
38	211107190	Nguyễn Mạnh	Quân	24/04/1996						
39	211107193	Trần Thụy Đỗ	Quyên	25/11/1993						
40	211107195	Đoàn Đức	Quyền	13/11/1995						
41	211107196	Huỳnh Ngọc	Quỳnh	27/07/1980						
42	211107212	Nguyễn Ngọc Thanh	Thảo	03/08/1993						
43	211107218	Phạm Diệp Phước	Thảo	01/04/1998						
44	211107201	Trịnh Quốc	Thái	30/12/1988						
45	211107220	Bùi Thanh	Thị	24/02/1994						
46	211107225	Nguyễn Văn	Thông	24/09/1991						
47	211107232	Nguyễn Thị Minh	Thuận	15/03/1985						
48	211107228	Lưu Trung Hồng	Thư	14/10/1988						
49	211107251	Lê Thị Huyền	Trang	04/08/1994						
50	211107244	Nguyễn Băng	Trâm	02/02/1998						
51	211107246	Nguyễn Trần Khánh	Trân	21/11/1996						
52	211107245	Hạp Thị Ngọc	Trâm	29/07/1994						
53	211107254	Hồ Thị Thùy	Trinh	13/08/1994						
54	211107256	Ngô Mai	Trinh	24/06/1997						
55	211107259	Lê Đan	Trường	26/09/1999						
56	211107266	Lê Minh	Tú	20/09/1998						
57	211107263	Nguyễn Hoàng	Tú	31/05/1997						
58	211107262	Nguyễn Khả	Tú	02/02/1994						
59	211107273	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	23/05/1994						
60	211107285	Nguyễn Thị Thanh	Vy	18/05/1989						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1PHI61000414

Môn thi: **Triết học**

Mã ca thi: **THI195658**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **30/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211111001	Cao Hoàng	An	16/01/1992						
2	211112004	Nguyễn Huỳnh Minh	Anh	27/11/1999						
3	211107010	Trần Thị Vân	Anh	09/05/1988						
4	211120001	Trần Ngọc	Ẩn	21/05/1967						
5	211111015	Phạm Ngọc	Châu	12/04/1996						
6	211111016	Trịnh Lê Hoàng	Diễm	20/04/1998						
7	211111023	Nguyễn Đức	Duy	07/08/1997						
8	211111027	Lưu Nguyễn	Duyên	13/12/1998						
9	211111028	Nguyễn Thị Bắc	Duyên	08/12/1993						
10	211111033	Phạm Thị Thanh	Hà	20/12/1981						
11	211111035	Nguyễn Thanh	Hải	09/12/1997						
12	211107070	Huỳnh Thị	Hiền	15/07/1983						
13	211120017	Trần Nguyễn Thảo	Hiền	17/10/1998						
14	211112017	Huỳnh Huy	Hoàng	30/06/1993						
15	211107080	Nguyễn Tiến	Hòa	21/05/1996						
16	211111049	Nguyễn	Huy	09/12/1996						
17	211120027	Phạm Thanh	Huy	14/06/1995						
18	211118006	Cao Việt	Hùng	28/11/1992						
19	211120023	Trần La Ngọc	Hùng	15/08/1975						
20	211111046	Phạm Ngọc	Hưng	11/03/1994						
21	211111054	Tăng Trần Tấn	Khải	07/08/1980						
22	211111064	Đỗ Mai	Linh	29/10/1998						
23	211112023	Nguyễn Thị Mỹ	Lộc	24/01/1994						
24	211107117	Huỳnh Trọng	Lợi	20/06/1987						
25	211107125	Đặng Thị Thúy	Mai	10/02/1996						
26	211111069	Đỗ Thụy Thúy	Mai	04/09/1987						
27	211113005	Lê Thị Quý	Mến	10/02/1984						
28	211114026	Phan Thị Phương	Nam	04/03/1997						
29	211111076	Lê Thị Thùy	Ngân	18/10/1997						
30	211111078	Phạm Thị Bích	Ngọc	03/11/1992						
31	211120041	Trần Quỳnh	Như	26/06/1998						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	211111088	Trần Văn	Ninh	04/03/1997						
33	211111089	Võ Thị Kim	Oanh	17/11/1992						
34	211120044	Nguyễn Thị Ngọc	Phuong	01/07/1981						
35	211111096	Lê Thị Bích	Phượng	08/12/1987						
36	211111098	Lê Anh	Quốc	25/04/1999						
37	211112034	Đặng Thị Hồng	Quyên	14/06/1987						
38	211118011	Nguyễn Thị Thảo	Quyên	23/04/1998						
39	211111102	Mai Thân Thủy	Quỳnh	04/05/1997						
40	211107200	Dương Công Nhật	Tân	29/09/1996						
41	211111108	Võ Duy	Tân	06/05/1995						
42	211111115	Hoàng Uyên	Thanh	08/12/1989						
43	211107208	Nguyễn Quốc	Thanh	03/03/1995						
44	211111116	Nguyễn Thị Đan	Thanh	28/12/1998						
45	211120051	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	07/02/1995						
46	211111111	Phan Thị	Thắm	01/01/1985						
47	211111119	Phạm Trần Thanh	Thi	01/03/1998						
48	192107179	Lê Văn	Thuận	01/09/1986						
49	211111137	Hoàng Thị Thùy	Trang	28/08/1997						
50	211107243	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	20/10/1997						
51	211112047	Dương Thị Tú	Trinh	22/06/1989						
52	211107258	Nguyễn Thị Hồng	Trúc	30/05/1995						
53	211111143	Đặng Nhật	Trường	04/01/1995						
54	211116005	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	18/04/1990						
55	211111154	Nguyễn Nữ Trúc	Vy	24/06/1998						
56	211111155	Nguyễn Hữu Khắc	Xuyên	10/12/1993						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1PHI61000422

Môn thi: **Triết học**

Mã ca thi: **THI195659**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **30/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211120003	Đinh Gia	Bảo	16/12/1992						
2	211120004	Trần Thị Thanh	Bích	26/12/1988						
3	211120005	Đặng Thị Kim	Cúc	15/05/1987						
4	211107044	Lê Thị Mỹ	Duyên	16/05/1996						
5	211120010	Trần Việt	Dũng	25/08/1989						
6	211111018	Lê Tuấn	Định	03/01/1997						
7	211120013	Nguyễn Thị Thu	Hà	24/08/1995						
8	201120008	Trần Thu	Hà	13/11/1995						
9	211120015	Võ Thị Ngọc	Hân	16/01/1989						
10	211107067	Nguyễn Lê	Hiền	04/10/1988						
11	211111043	Nguyễn Hữu	Hiếu	13/09/1997						
12	211111045	Đặng Vi Ngọc	Hoàng	12/08/1988						
13	211120021	Phạm Đăng	Hoàng	15/03/1995						
14	211120026	Lê Nguyễn Nhật	Huy	03/09/1995						
15	211103006	Nguyễn Thanh	Hương	25/12/1973						
16	NCS2021013	Tian	Jian	18/03/1969						Nợ HP
17	211107104	Ngô Đăng	Khoa	30/04/1994						
18	211120030	Tường Xuân	Khoa	09/04/1999						
19	211103010	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	30/12/1993						
20	202107113	Trần Thị Thúy	Nga	26/03/1997						
21	211111079	Đặng Thị Bích	Ngọc	15/05/1991						
22	211107161	Bùi Thị Huỳnh	Như	11/11/1996						
23	211111093	Lê Thanh	Phương	27/07/1975						
24	211120045	Trần Thị Minh	Phượng	27/08/1978						
25	211107195	Đoàn Đức	Quyền	13/11/1995						
26	211107199	Lê Thị Thanh	Tâm	26/09/1984						
27	211114046	Võ Ngọc	Thanh	21/04/1988						
28	202107151	Trình Ngọc	Thạch	08/12/1991						
29	211114049	Nguyễn Quốc	Thịnh	25/09/1970						
30	211120054	Đặng Thị Phương	Thúy	25/01/1992						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
31	211111126	Phan Trọng	Thức	03/01/1989						
32	211120059	Phan Trịnh Minh	Tiên	03/10/1992						
33	211111146	Nguyễn Minh	Tuấn	19/12/1994						
34	211103019	Phạm Nữ Hiền	Vân	29/09/1989						
35	211107281	Phạm Trần Tường	Vy	10/09/1989						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1PHI61000417

Môn thi: **Triết học**

Mã ca thi: **THI195660**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **30/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211112006	Phạm Công	Danh	16/12/1993						
2	211112012	Khuất Thái	Hanh	17/12/1978						
3	211118005	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	20/03/1985						
4	211112020	Nguyễn Thị Bích	Huyền	28/05/1994						
5	211112019	Lưu Thị Xuân	Hương	08/06/1994						
6	211103007	Nguyễn Thị Xuân	Hương	06/01/1990						
7	211103008	Trần Trí	Kiên	09/11/1986						
8	211112021	Hồ Vũ Hồng	Lạc	01/08/1984						
9	211118009	Vũ Hoàng Hà	Linh	11/01/1989						
10	211112029	Vũ Thị	Ngọc	15/01/1998						
11	211107186	Nguyễn Văn	Phương	01/04/1978						
12	211112036	Nguyễn Hà Minh	Tâm	13/02/1998						
13	211118013	Bùi Thị Kim	Thanh	24/09/1992						
14	211103013	Lê Thị	Thảo	03/03/1993						
15	211112042	Nguyễn Thị Anh	Thị	04/10/1997						
16	211107234	Lê Thị Thu	Thủy	23/05/1996						
17	211103016	Võ Chí	Thương	17/03/1996						
18	211103018	Trần Ngọc Như	Trang	23/07/1991						
19	211107242	Trần Thị Thảo	Trâm	03/08/1978						
20	211112053	Đinh Quang	Vinh	26/10/1992						
21	211103021	Phạm Thị	Yến	06/05/1991						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1APP60700302

Môn thi: **Nghiên cứu ứng dụng trong kế toán**

Mã ca thi: **THI195661**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **31/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211114003	Đặng Thị Thu	Diệu	12/07/1996						
2	211114004	Trần Kim	Diệu	08/04/1987						
3	211114006	Nguyễn Thị Thùy	Dung	04/12/1991						
4	211114010	Nguyễn Thị	Hiền	19/11/1981						
5	211114019	Nguyễn Nhứt	Kiên	01/01/1987						
6	211114021	Lê Thị Thanh	Loan	10/07/1989						
7	211114022	Lê Thị Kim	Luyến	12/10/1985						
8	211114024	Nguyễn Thị Ánh	Minh	15/07/1995						
9	211114028	Phạm Thị	Nga	10/03/1983						
10	211114040	Lâm Thị Hồng	Phương	22/03/1981						
11	211114036	Lê Hoàng Minh	Phương	29/02/1996						
12	211114037	Lê Hoàng Nguyên	Phương	29/02/1996						
13	211114041	Trần Khánh	Phương	06/02/1989						
14	211114039	Trương Thị	Phương	10/03/1989						
15	192114049	Hồ Thị Diễm	Phượng	18/06/1995						
16	211114043	Đặng Vinh	Quang	07/03/1988						
17	211114045	Lê Hoàng	Sơn	24/08/1998						
18	211114048	Phan Thị	Thìn	12/07/1988						
19	211114049	Nguyễn Quốc	Thịnh	25/09/1970						
20	211114052	Nguyễn Thu	Thủy	09/12/1990						
21	211114050	Nguyễn Thị Anh	Thư	12/02/1998						
22	211114059	Nguyễn Thị Kim	Ứng	01/12/1998						
23	211114062	Đặng Thị	Vóc	16/04/1984						
24	211114063	Hoàng Đình	Vũ	24/09/1993						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1LAW51002

Môn thi: **Luật và phát triển**

Mã ca thi: **THI195662**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **31/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211120003	Đinh Gia	Bảo	16/12/1992						
2	211120008	Nguyễn Ngọc Thương	Doanh	22/09/1994						
3	211120011	Nguyễn Thị Thùy	Dương	11/03/1998						
4	211120012	Phạm Trà	Giang	07/08/1982						
5	211120016	Chung Gia	Hảo	09/10/1990						
6	211120018	Lê Vinh Thái	Hiệp	13/11/1975						
7	211120020	Nguyễn Trần Minh	Hoa	25/04/1998						
8	211120025	Phan Đăng	Hùng	23/08/1981						
9	211120032	Trần Xuân	Linh	06/02/1985						
10	211120033	Vũ Thanh	Long	15/12/1976						
11	211120037	Hồ Nguyễn Thành	Nam	10/01/1983						
12	211120036	Nguyễn Giang	Nam	01/11/1991						
13	211120039	Vũ Trịnh Bảo	Ngọc	27/07/1998						
14	211120042	Nguyễn Quốc	Phú	23/06/1987						
15	211120043	Trần Hoàng Thiên	Phúc	08/10/1995						
16	211120047	Phan Vũ	Quỳnh	27/08/1998						
17	211120062	Phan Thanh	Tâm	06/03/1981						
18	211120052	Trần Lê Thanh	Thảo	10/04/1999						
19	211120053	Lê Huyền	Thư	20/08/1994						
20	211120058	Nguyễn Thùy	Tiên	30/10/1998						
21	211120057	Phạm Thị Kiều	Tiên	25/01/1987						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1FIN60400201

Môn thi: **Nguyên lý tài chính - ngân hàng**

Mã ca thi: **THI195663**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **31/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211113001	Nguyễn Thị Kim	Hồng	11/10/1990						
2	211113002	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	10/10/1987						
3	211113003	Phạm Xuân	Kiểm	28/09/1992						
4	211113004	Vũ Phước	Linh	16/11/1992						
5	211113005	Lê Thị Quý	Mến	10/02/1984						
6	211113006	Nguyễn La Diễm	Nhi	21/07/1992						
7	211113008	Nguyễn Lê	Phương	09/10/1995						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1MON60601202

Môn thi: **Chính sách tiền tệ**

Mã ca thi: **THI195664**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **31/10/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211112001	Đinh Phạm Hồng	Anh	13/09/1998						
2	211112002	Nguyễn Ngọc	Anh	19/07/1987						
3	211112006	Phạm Công	Danh	16/12/1993						
4	211112007	Phạm Thị Bích	Đào	29/08/1985						
5	211112012	Khuất Thái	Hanh	17/12/1978						
6	211112020	Nguyễn Thị Bích	Huyền	28/05/1994						
7	211112019	Lưu Thị Xuân	Hương	08/06/1994						
8	211112021	Hồ Vũ Hồng	Lạc	01/08/1984						
9	211112027	Dương Văn	Minh	18/12/1979						
10	211112026	Trần Công	Minh	15/06/1990						
11	211112029	Vũ Thị	Ngọc	15/01/1998						
12	211112031	Võ Minh	Nhã	01/10/1989						
13	211112033	Nguyễn Thanh	Phương	22/04/1994						
14	211112036	Nguyễn Hà Minh	Tâm	13/02/1998						
15	211112038	Nguyễn Ngọc	Tâm	17/09/1992						
16	211112042	Nguyễn Thị Anh	Thi	04/10/1997						
17	211112043	Dương Nguyễn Minh	Thư	28/08/1999						
18	211112046	Võ Đức	Trí	27/03/1996						
19	211112049	Nguyễn Chí	Trung	19/09/1978						
20	211112050	Vũ Xuân	Trung	27/08/1994						
21	211112048	Lữ Thị Thanh	Trúc	28/08/1976						
22	211112052	Vòng Mỹ	Vân	17/03/1995						
23	211112053	Đinh Quang	Vinh	26/10/1992						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn
